

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

TS. Đặng Công Huân

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

Bùi Ngọc Lam

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:

Ths. Nguyễn Thị Hoa

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đức Xuyên

TOÀ SOẠN:

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

Phòng Trị sự:

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

Phòng Phóng viên & Biên tập:

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

Phòng Truyền thông và Phát hành:

ĐT: 080.49082 / 080.49070

Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,

TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622

Email: tapchithanhtra496@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

BÌA 1: Đội tiêu binh diễu hành sau

nghi lễ Thương cờ

ẢNH BÌA 1: Nguồn internet

THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo

IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng

cáo Tân Thành Phát

NỘP LƯU CHIẾU: Tháng 9/2020

Ấn phẩm được phát hành qua ngành
Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các
Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

CHÍNH LUẬN

3 Nguyễn Văn Thanh: Tuyên ngôn Độc lập - ý chí và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam



5 TS. Vũ Trung Kiên: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước và những gợi mở cho hôm nay

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI



8 Nguyễn Trung Thành: Vai trò của báo chí trong việc thúc đẩy thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam



11 TS. NCVC. Trần Văn Duy: Pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Thực trạng và giải pháp

MỤC LỤC



15 Thiếu tướng, TS. Phạm Lê Xuất: Một số kinh nghiệm trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Thanh tra Bộ Công an



18 Lê Đức Trung: Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo



21 Ths. Hồ Thị Thu An: Thực tiễn thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra hiện nay và một số kiến nghị, đề xuất

25 Ths. Nguyễn Thị Hạnh: Bàn về thực hiện quyền cung cấp tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm thông qua hoạt động thanh tra



28 Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệt: Hoàn thiện pháp luật về “giải trình” trong xử lý vi phạm hành chính

31 Nguyễn Hoàng Long: Quá trình hình thành, phát triển tổ chức thanh tra chuyên ngành thuế tại Việt Nam

□ VĂN HÓA - XÃ HỘI



34 Trần Văn Thiên: Những mùa tựu trường đã xa...



35 Truyện ngắn của *Ma Văn Kháng*: Ngón tay út

□ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

37 K. Dung: Một số nội dung cơ bản của Nghị định 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức



40 Quỳnh An: Văn bản mới ban hành

□ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI



44 Dương Nguyễn: Tham nhũng trong thời kỳ Covid-19: Mối đe dọa kép đối với các nước thu nhập thấp



*Kỷ niệm 75 năm
Cách mạng tháng Tám
(19/8/1945 - 19/8/2020)
và Quốc khánh 2/9
(2/9/1945 - 2/9/2020)*



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Tuyên ngôn Độc lập - ý chí và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam

 Nguyễn Văn Thanh

75 năm qua đi, ý chí và khát vọng độc lập, tự do luôn trường tồn cùng dân tộc và đất nước Việt Nam. Mỗi người dân Việt Nam dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Với tầm nhìn thời đại, trong phần kết bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945, Chủ

tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”. Cũng trong bản Tuyên ngôn Độc lập, Người khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc trên thế giới. Điều này đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ và trong Tuyên ngôn Nhân quyền và

Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791, được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích trọng nhắc lại trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”⁽¹⁾. Độc lập dân tộc, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là đất nước thực



sự thoát khỏi tình cảnh nô lệ, thực sự được tự do, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, Nhân dân được sống trong hòa bình và thực sự được hưởng thụ các giá trị nhân văn - dân chủ, công bằng và bình đẳng...

Khát vọng đã trở thành hiện thực, song các thế lực thù địch thực dân và đế quốc chưa từ bỏ dã tâm trở lại xâm lược, đô hộ nước ta một lần nữa. Để bảo vệ độc lập dân tộc, cả dân tộc Việt Nam không phân biệt già trẻ, gái trai... đã hưởng ứng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động ngày 19/12/1946, đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược, làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ (năm 1954) lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên đất nước Việt Nam.

Độc lập dân tộc là khát vọng lớn nhất của dân tộc thuộc địa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: *“Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đó là tất cả những điều tôi muốn; đây là những điều tôi hiểu”*⁽²⁾. Theo Hồ Chủ tịch, độc lập dân tộc là vấn đề sống còn đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, sự tồn vong và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc đều gắn liền với việc giữ vững nền độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia, dân tộc ấy. Độc lập dân tộc luôn luôn là nguyện vọng chính đáng của mỗi người sống trong cộng đồng dân tộc, đồng thời là mục tiêu, động lực của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức, bóc lột của kẻ thù xâm lược. Độc lập dân tộc là cơ sở, điều kiện không thể thiếu để thực hiện quan hệ bang giao với các dân tộc khác. Giữ vững độc lập tự chủ luôn là nguyên tắc hàng đầu đảm bảo cho các dân tộc thực hiện chính sách đối ngoại bền vững.

Chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định quyết tâm của dân tộc Việt Nam: *“Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*⁽³⁾ và *“không có gì quý hơn độc lập tự do”*⁽⁴⁾. Với tinh thần đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và

Chủ tịch Hồ Chí Minh, đất nước ta liên tục tiến hành hai cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ và ác liệt chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, mở ra kỷ nguyên hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn thời đại cho thấy, mỗi dân tộc, mỗi con người đều có quyền được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Độc lập dân tộc gắn liền với sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, gắn liền với quyền tự quyết dân tộc, quyền được lựa chọn con đường phát triển. “Tự do” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là tự do theo lý tưởng xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Độc lập là tiền đề của tự do, bởi nếu nước được độc lập, người dân mới được tự do, nếu mất nước, ai cũng làm nô lệ. Do đó, tự do là mục tiêu và cũng là kết quả của độc lập. Đó là những giá trị cao quý, thiêng liêng nhất, không một thế lực nào có thể xâm phạm. Cho nên, độc lập của dân tộc gắn liền với quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc của Nhân dân.

Những năm gần đây, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Nhân dân ta đứng trước thời cơ, vận hội, thuận lợi và không ít nguy cơ, thách thức, nhưng chính nhờ ý chí, khát vọng vươn lên mạnh mẽ mà dân tộc ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới đất nước; “thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp của quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao...”⁽⁵⁾.

Trong tình hình hiện nay, hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo, nhưng sự cạnh tranh giữa các nước lớn, khu vực vẫn gay gắt và có nhiều nét mới từ sự đan xen giữa đối tượng và đối tác, đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cường quyền, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy... đã và đang chi phối đến quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của các quốc gia. Trong khi đó, nước

ta ngày càng hội nhập quốc tế sâu, rộng nhằm thực hiện lợi ích quốc gia, dân tộc. Dân tộc ta càng phải đề cao ý chí tự chủ, tự lực, tự cường, cần có khát vọng để vươn lên không lệ thuộc, phụ thuộc vào bất cứ lực lượng hay quốc gia nào trên con đường phát triển vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa xác định: *“Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, đồng thời kết hợp với sức mạnh của thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc...”*⁽⁶⁾.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có một ý nghĩa đặc biệt, bởi không chỉ tổng kết 5 năm của nhiệm kỳ qua, mà Đảng ta còn tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Hơn bao giờ hết chúng ta càng phải phát huy ý chí tự chủ, tự cường, niềm tin mãnh liệt vào chủ nghĩa xã hội và khát vọng hòa bình, độc lập. Xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, phát triển, là động lực, sức mạnh tinh thần to lớn để toàn dân tộc kiên định với con đường xã hội chủ nghĩa, ra sức nỗ lực hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Nhân dân được hưởng cuộc sống phần vinh, hạnh phúc./.

Chú thích:

- (1), (3), (4) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H, năm 2011, tập 4, tr. 1,2; tr. 534; t.15, tr.131;
- (2) Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh, NXB CTQG, H, 1994, tr.4;
- (5), (6) Đảng cộng sản Việt Nam - Dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tháng 4/2020, tr. 49.



Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước và những gợi mở cho hôm nay

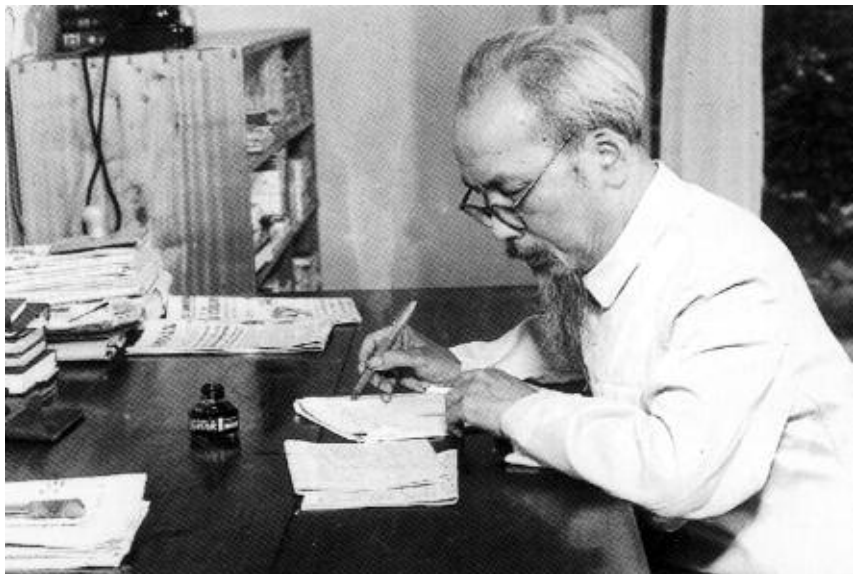
TS. Vũ Trung Kiên

Học Viện Chính trị Khu vực 2

Dúng một ngày sau khi đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại phiên họp Chính phủ đầu tiên ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là cần phải tổ chức bầu cử ngay một Quốc hội đại diện cho dân để làm Hiến pháp: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...⁽¹⁾”. Đây là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt về xây dựng Nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi còn ở nước ngoài, trong bản yêu sách tám điểm gửi Hội nghị Versailles đòi các quyền tự do, dân chủ cho Nhân dân Việt Nam năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã nêu những điều liên quan đến pháp quyền, đòi thực dân Pháp phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật.

Trong *Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu* đăng trên Báo Cứu quốc số 134 ngày 05/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn dân đi bỏ phiếu và khẳng định đó là



ngày “đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ” Người nhấn mạnh: “Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà Nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình (...). Ngày mai, dân ta sẽ tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình và gánh vác việc nước⁽²⁾”.

Cùng với việc tổ chức bầu cử, xây dựng Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng bộ máy Nhà nước thật sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vì dân. Nhìn lại Chính phủ chính thức đầu tiên được thành lập sau ngày bầu cử Quốc hội khóa I năm 1946 - Chính phủ Liên hiệp kháng chiến Việt Nam, chúng ta không khỏi khâm phục tầm tư duy lãnh đạo

và tổ chức của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ Chính phủ được tổ chức rất gọn nhẹ, Hồ Chí Minh vừa là Chủ tịch nước nhưng đồng thời là Chủ tịch Chính phủ, tức vừa là nguyên thủ quốc gia, nhưng đồng thời là người đứng đầu cơ quan hành pháp (một kiểu tổ chức bộ máy Nhà nước gần giống Hoa Kỳ hiện nay). Phó Chủ tịch nước là cụ Nguyễn Hải Thần.

Toàn Chính phủ có 10 bộ, mỗi bộ có 01 bộ trưởng và mỗi bộ chỉ có duy nhất 01 thứ trưởng. Bộ trưởng Nội vụ (bao gồm cả bộ máy của ngành Công an) là tiến sỹ Nho học, Bộ trưởng Quốc phòng là luật sư, cử nhân văn chương. Riêng lực lượng quân sự chính quy được đặt dưới quyền của Ủy ban Kháng chiến do Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng đầu. Lực lượng công an chính quy được tổ chức thành “Việt Nam Công an vụ” thuộc Bộ Nội vụ.



Để xây dựng một Nhà nước vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc lựa chọn cán bộ. Người khẳng định: “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định⁽³⁾”. Ngay khi Nhà nước mới ra đời, ngày 19/9/1945, trên Báo Cứu quốc số 46, với bút danh Chiến Thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài “Chính phủ là công bộc của dân”, trong đó có đoạn: “Người xưa nói: Quan là công bộc của dân, ta cũng có thể nói: Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ Nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh⁽⁴⁾”. Theo Người, để Chính phủ được lòng dân, thì Chính phủ phải là công bộc của dân theo nghĩa hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân.

Người cũng lên án các hành vi ức hiếp Nhân dân khi cho rằng UBND phải khác các hội đồng kỳ mục thối nát: “Các UBND làng, phủ là hình thức Chính phủ địa phương phải chọn trong những người có công tâm, trung thành, sốt sắng với quyền lợi dân chúng, có năng lực làm việc, được đồng bào dân làng tín nhiệm. Không thể nhờ tiền tài hay một thế lực gì khác mà chui lọt vào các ủy ban đó. UBND làng trái với các hội đồng kỳ mục cũ thối nát, sẽ làm những việc có lợi cho dân, không phạm vào công lý, vào tự do của dân chúng. Nó hết sức tránh cuộc bắt bớ đánh đập độc đoán, những cuộc tịch thu tài sản không đúng lý. UBND thật trọng hết sức trong chỗ chỉ dùng công quỹ, không dám tùy ý tiêu tiền vào những việc xa phí như ăn uống. Những nhân viên ủy ban sẽ không lợi dụng danh nghĩa ủy ban để gây bè tìm cánh, đưa người “trong nhà trong họ” vào làm việc với mình⁽⁵⁾”.

Trong những năm qua, hệ thống chính trị của Việt Nam đã ngày càng có bước đổi mới quan trọng, từ thể chế, tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp... Kể từ khi đất nước tiến hành đổi mới, nhất là sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã

hội năm 1991, Nhà nước đã thể chế hóa thành Hiến pháp 1992 với nhiều nội dung tiếp cận với những giá trị phổ quát của nhân loại về xây dựng Nhà nước. Từ năm 2011, sau khi Cương lĩnh bổ sung, phát triển được Đại hội XI của Đảng ban hành, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp 2013 với những đổi mới căn bản về mặt Nhà nước. Bộ máy Nhà nước ngày càng gọn nhẹ hơn, phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan đã rạch ròi hơn, và kỷ luật, kỷ cương ngày càng được siết chặt.

Rất nhiều các bộ luật liên quan đến tổ chức và vận hành của Nhà nước đã được ban hành: Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được bổ sung, sửa đổi năm 2019; Luật Viên chức năm 2010 được bổ sung, sửa đổi năm 2019 đã phân định rạch ròi hơn chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng trong bộ máy của hệ thống chính trị. Luật Chính quyền địa phương năm 2015 đã phân định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính. Kể từ năm 1998, khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/02/1998 “về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”, Nhà nước đã thể chế hóa, cụ thể hóa vào các lĩnh vực cụ thể bằng những văn bản điều chỉnh như Pháp lệnh Dân chủ ở xã, phường, thị trấn, các nghị định về dân chủ trong các loại hình cơ quan của hệ thống chính trị. Vì vậy, dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, tạo điều kiện thuận lợi để mọi công dân cùng tham gia quản lý đất nước. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố; quyền con người, quyền công dân được bảo đảm tốt hơn.

Công tác cán bộ ngày càng đi vào nề nếp bằng những quy định cụ thể trong việc thực hiện các quy trình từ tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Các quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ cũng được ban hành đồng bộ, cụ thể. Công tác xây dựng cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ cấp chiến lược đã đi vào nề nếp, bài bản. Kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ ngày càng được quan tâm và siết chặt. Việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền đã được triển khai bằng những văn bản điều chỉnh dự báo sẽ mang lại hiệu

quả thiết thực, góp phần ngăn ngừa một tệ nạn bức bối diễn ra lâu nay...

Tuy nhiên, trong xây dựng Nhà nước hiện nay vẫn còn những hạn chế, bất cập đặt ra cần phải được nhìn nhận và đánh giá một cách trung thực, khách quan để có thể đề ra các giải pháp phù hợp. Những hạn chế, bất cập này đã được nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng chỉ ra. Đó là: Việc thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng đôi lúc vẫn chậm, chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình, cá biệt có những chính sách đã được thể chế hóa, cụ thể hóa không đúng với quan điểm của Đảng. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động và quản lý, điều hành của Nhà nước chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới. Việc tổ chức, sắp xếp bộ máy tinh gọn vẫn chậm. Vẫn còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm quyền dân chủ của Nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay thế, trẻ hóa, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất một số cán bộ của hệ thống chính trị chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất đạo đức. Còn nhiều bất cập trong quản lý kinh tế - xã hội, để nhiều vụ việc tồn đọng, sai phạm kéo dài, chậm được xử lý, gây bức xúc trong Nhân dân. Thủ tục hành chính ở một số địa phương, ban, ngành vẫn phức tạp, rườm rà, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý còn nhiều yếu kém. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở một số nơi, có nơi nghiêm trọng...

Để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước ở Việt Nam hiện nay, theo tác giả cần thực hiện tốt các giải pháp, cụ thể sau:

Một là, tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Trung ương khóa XII về sắp xếp lại tổ chức của bộ máy chính trị, gắn với tinh giản biên chế. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Hai là, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát



với dân để được dân tin cậy. Cụ thể hóa và bổ sung phát triển những nội dung về dân chủ cơ sở gắn với từng loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền làm chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền giám sát của dân đối với tổ chức và cán bộ ở cơ sở và kịp thời thay thế người không đủ tín nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật.

Ba là, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công chức để có một đội ngũ am hiểu thực tiễn, có năng lực tổ chức và vận động Nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân. Ban hành các quy định và thực thi nghiêm minh để hạn chế tối đa việc cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ sách nhiễu, tham nhũng.

Bốn là, ban hành và thực thi các quy trình chặt chẽ về công tác cán bộ, về chế độ chính sách. Cần tổ chức thi tuyển công khai, dân chủ để lựa chọn người giỏi. Một vị trí có thể có nhiều ứng cử viên. Các ứng cử viên không chỉ đề ra chương trình hành động, cam kết với cấp ủy, tổ chức Đảng nơi có thẩm quyền mà cần phải công bố chương trình hành động để Nhân dân giám sát.

Năm là, cần đánh giá đúng sở trường, năng lực của từng cán bộ, công chức để sử dụng hợp lý. Hạn chế tối đa việc luân chuyển các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành đi làm lãnh đạo các địa phương. Cần phải xây dựng cơ chế để chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành có điều kiện công hiến và có chế độ đãi ngộ xứng đáng với công sức và đóng góp của họ.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân là một trong những nội dung trọng yếu. Những tư tưởng về xây dựng Nhà nước của Hồ Chí Minh bao gồm rất nhiều nội dung phong phú với những giá trị vượt thời gian từ việc xây dựng và hoàn thiện Hiến pháp, pháp luật đến việc xây dựng đội ngũ, kỷ luật nghiêm minh, giáo dục đạo đức... Những giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước tiếp tục là những chỉ dẫn, gợi mở quý báu đối với Việt Nam trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay./.

Chú thích:

(1), (2), (4), (5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 08; tr. 145; tr. 22; tr. 22-23;

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 240.

Tài liệu tham khảo:

(1) Ban Tuyên giáo Trung ương: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2019;

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc;

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay";

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng;

(5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 3, tập 4, tập 5, tập 6, tập 7, tập 8, tập 9, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.



Ảnh: Trần Chính

THÁNG CHÍN MÙA THU

(Chào mừng ngày Quốc khánh 2/9)

Tháng Chín mùa Thu

Cả nước ba miền: Trống giông cờ mở

Khắp nẻo đường tiếng hát ngân xa

Chào mừng: Nước Việt Nam - Dân chủ - Cộng hòa

Tháng Chín mùa Thu

Non sông nay đã về ta

Cả nước lắng nghe: Bác Hồ tuyên ngôn độc lập

Khai sinh nước: Việt Nam - Dân chủ - Cộng hòa

"Rũ bùn đen đứng dậy sáng lòa"

Tháng Chín mùa Thu

Đất nước thoát nghèo nàn nô lệ

Độc lập - tự do cho triệu con người

Hạnh phúc - ấm no cho mọi cuộc đời

Tháng Chín mùa Thu: Lịch sử sáng ngời

Rạng rỡ nụ cười, lấp lánh niềm tin

Ngày mừng hai tháng Chín không bao giờ quên

Khắc cốt ghi tim trường tồn năm tháng!

Lê Xuân Đạm



Vai trò của báo chí trong việc thúc đẩy thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam

 **Nguyễn Trung Thành**
Tổng Biên tập Tạp chí Tri thức Xanh

Báo chí cách mạng Việt Nam là vũ khí tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, là phương tiện thông tin, tuyên truyền quan trọng, đồng thời là diễn đàn để Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Để khẳng định vai trò của báo chí, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã xác định “phát huy vai trò, nêu cao trách nhiệm của các cơ quan báo chí trong công tác đấu tranh phòng, chống suy thoái, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tự diễn biến, tự chuyển hóa”.

Mối quan hệ giữa hoạt động báo chí và hoạt động công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình

Hoạt động giám sát, phản biện báo chí là hoạt động điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu, cũng như phân tích, đánh giá chúng một cách khách quan, trung thực và khoa học về nền hành chính công vụ, qua đó kịp thời cổ vũ, động viên những việc làm hay, những điển hình tiên tiến. Bên cạnh đó, báo chí cũng phản ánh, kiến nghị kịp thời những biểu hiện suy thoái, lạm quyền của bộ máy Nhà nước đến cấp có thẩm quyền. Thông qua hoạt động này, báo chí góp phần định hướng dư luận xã hội, là cầu nối giữa ý Đảng với lòng dân, là kênh thông tin quan trọng, hữu hiệu để người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin, thực hiện



quyền được biết, được bàn, được làm và quyền kiểm tra, giám sát. Hoạt động báo chí với hoạt động công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước là mối quan hệ hai chiều, tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ nhau trong quá trình truyền thông Nhà nước, góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày một thiết thực, bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả.

Như vậy, đối với công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước, báo chí có vai trò: (1) Là phương tiện để các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện công khai, minh bạch và giải trình; (2) Là công cụ để người dân

thảo luận, bày tỏ chính kiến của mình trước vận mệnh của đất nước, dân tộc; (3) Báo chí có vai trò thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội về tổ chức, hoạt động của cơ quan Nhà nước nói chung và thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình nói riêng; (4) Là kênh truyền thông Nhà nước hữu hiệu, định hướng dư luận xã hội, kết nối thông tin, đoàn kết xã hội.

Pháp luật và thực hiện pháp luật về báo chí trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

Thứ nhất, đối với hoạt động công khai, minh bạch



Thông qua các kênh thông tin đại chúng, tổ chức họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn trong cơ quan Nhà nước là các hình thức chủ động thực hiện công bố, cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước⁽¹⁾. Tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, người dân sẽ được cơ quan Nhà nước bảo đảm các hình thức tiếp cận thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm, nghĩa vụ thu thập thông tin theo quy định của pháp luật và đăng, phát kịp thời, chính xác, đầy đủ, khách quan rộng rãi đến xã hội và Nhân dân. Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động báo chí phải bảo đảm không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, cũng như không ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia.

Ngoài việc chủ động thực hiện công khai, minh bạch, các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm thực hiện cung cấp cho cơ quan báo chí, nhà báo những thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật⁽²⁾. Bằng hình thức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, cơ quan hành chính các cấp đang thực hiện tốt việc công khai, minh bạch. Thông qua điều tra báo chí đã thúc đẩy công khai, minh bạch, đồng thời cũng đóng góp không nhỏ trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, kiểm soát quyền lực Nhà nước trong thời gian qua. Ngoài ra, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 cũng quy định cụ thể về đối tượng, nội dung, hình thức thực hiện công khai, minh bạch để Nhân dân được biết thông qua hình thức hệ thống truyền thanh. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng trong thực hiện giám sát cộng đồng, giám sát của Nhân dân đối với thu chi ngân sách địa phương, thực hiện các chính sách xã hội tại cộng đồng.

Như vậy, các cơ quan Nhà nước về cơ bản đã thực hiện tốt việc công khai, minh bạch các chính sách của Đảng và pháp

luật của Nhà nước, đáp ứng được mong mỏi của người dân, qua đó, góp phần nâng cao vai trò giám sát và phản biện xã hội của báo chí, để báo chí thực sự trở thành cầu nối giữa ý Đảng với lòng dân, đảm bảo cho phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” được thực hiện trên thực tế.

Thứ hai, đối với hoạt động trách nhiệm giải trình

Theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và yêu cầu trả lời các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí. Ngoài ra, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Báo chí 2016 quy định các cơ quan Nhà nước thực hiện trách nhiệm giải trình qua hình thức trả lời trên báo chí, trả lời phỏng vấn trên báo chí và tổ chức họp báo. Tuy nhiên, không phải yêu cầu nào của cơ quan báo chí cũng được các cơ quan Nhà nước giải trình. Việc quy định những nội dung không thuộc phạm vi giải trình sẽ giúp cho việc giải thích, cung cấp thông tin của các cơ quan Nhà nước được chính xác, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, quyền và lợi ích hợp của các tổ chức kinh doanh và các cá nhân khác.

Nhận diện những vấn đề khó khăn, thách thức của hoạt động báo chí trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

Luật Tiếp cận thông tin 2016 là luật gốc quy định những vấn đề cung cấp thông tin của các cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên, Điều 4 Luật Tiếp cận thông tin 2016 về chủ thể thực hiện tiếp cận thông tin chỉ quy định chung chung là công dân có quyền thực hiện quyền tiếp cận thông tin, không nói rõ và cụ thể các cơ quan báo chí, có được tiếp cận thông tin hay không. Điều này gây khó khăn cho cơ quan báo chí tiếp cận thông tin từ các cơ quan Nhà nước.

Quy định về báo điện tử và tạp chí điện tử trong pháp luật báo chí chưa có sự phân biệt rõ ràng. Bên cạnh đó, Luật Báo chí 2016 cũng chưa đưa ra quy định về định nghĩa tạp chí in và báo in. Việc thiếu quy định, không rõ ràng như vậy gây lúng túng cho các cơ quan báo chí khi thực hiện hoạt động báo chí và các cơ quan Nhà nước trong công tác quản lý báo chí. Luật Báo chí 2016 hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cộng tác viên báo chí, trong khi đó số lượng cộng tác viên hiện nay rất nhiều. Việc không quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cộng tác viên báo chí gây khó khăn cho các cơ quan báo chí trong việc quản lý các cộng tác viên. Trên thực tế, nhiều cộng tác viên đã gây ra sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp báo chí.

Mặt khác, quy định các nội dung thông tin về bí mật Nhà nước chưa được cụ thể và rõ ràng, do đó dẫn đến tình trạng các cơ quan Nhà nước lợi dụng việc đóng dấu mật để không cung cấp thông tin, cản trở hoạt động nghiệp vụ báo chí của cơ quan báo chí. Về chế tài xử lý, Nghị định 159/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí vẫn còn hiệu lực nhưng vẫn căn cứ vào Luật Báo chí 1989 sửa đổi, bổ sung 1999 đã hết hiệu lực, như vậy là không đúng, nhiều quy định không còn phù hợp so với Luật Báo chí 2016.

Hiện nay, đầu mỗi cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, nhà báo chưa cụ thể khiến các cơ quan báo chí, các nhà báo khó khăn trong việc thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin. Rất ít cơ quan công khai đầy đủ các thông tin về điện thoại, email, họ tên đầy đủ của cán bộ, công chức làm đầu mối. Bên cạnh đó các cơ quan Nhà nước hiện nay vẫn chưa xây dựng được đầy đủ cơ sở dữ liệu về thông tin theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực quản lý Nhà nước. Điều này gây khó khăn cho việc tiếp cận thông tin của các cơ quan báo chí.

Nhiều cơ quan Nhà nước dựa vào quy định về người phát ngôn để trì hoãn việc



công khai, minh bạch và giải trình cho cơ quan báo chí bởi phải xin ý kiến, chủ trương trước khi cung cấp thông tin, nên thông tin thường xuyên bị cung cấp trễ hoặc không được cung cấp. Quy định về người phát ngôn vốn nhằm thúc đẩy trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch lại vô hình chung biến thành rào cản để từ chối cung cấp thông tin. Hiện nay, có rất nhiều cơ quan báo chí, nhà báo phản ánh thực trạng một số cơ quan, đơn vị tìm cách né tránh, không cung cấp thông tin cho báo chí.

Ngoài ra, trong thời gian qua, vẫn còn nhiều cơ quan báo chí đăng tải những thông tin không đúng sự thật liên quan đến các hoạt động quản lý của Nhà nước và gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Đó là do trình độ chuyên môn nghiệp vụ báo chí còn hạn chế, không kiểm duyệt và xác minh rõ sự thật, nguồn gốc của thông tin, mặt khác, còn do nhận thức, đạo đức nghề nghiệp của một số người làm báo không tốt nên dẫn đến tình trạng thông tin sai sự thật.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình

Về giải pháp chung

Thứ nhất, cần tạo ra sự thống nhất về quan điểm, tư tưởng trong cả một hệ thống chính trị, đặc biệt là có Nghị quyết riêng về hoạt động công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, trong đó có quy định về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của cơ quan báo chí trong việc thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động này.

Thứ hai, Nhà nước cần phải tiến hành rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, nhất là những quy định về hoạt động của báo chí trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Về giải pháp cụ thể:

Một là, tiến hành sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hoạt

động công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Coi Luật Tiếp cận thông tin 2016 là luật gốc quy định về việc cung cấp, công khai, minh bạch thông tin, ở đó nhấn mạnh vai trò của cơ quan báo chí trong việc thúc đẩy hoạt động cung cấp thông tin. Cần phải sửa đổi, bổ sung quy định về giải thích từ ngữ giữa báo điện tử với tạp chí điện tử, giữa báo in với tạp chí in theo hướng chỉ rõ sự khác nhau giữa các loại hình báo chí này tạo điều kiện cho các cơ quan báo chí thực hiện nghiệp vụ báo chí và các công việc có liên quan đến quy hoạch báo chí.

Bổ sung quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cộng tác viên báo chí nhằm quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nghiệp vụ báo chí, tăng cường trách nhiệm của đối tượng này, tránh xảy ra những hành vi vi phạm, gây ra hậu quả nghiêm trọng. Quy định rõ ràng và cụ thể về những thông tin bí mật Nhà nước tránh việc các cơ quan Nhà nước lợi dụng kẽ hở để đóng dấu mật, không thực hiện cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí. Mặt khác, tiến hành nghiên cứu nhằm xem xét, sửa đổi, bổ sung về chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí không còn phù hợp với Luật Báo chí 2016. Đồng thời, quy định rõ về hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực báo chí nhằm thúc đẩy hoạt động công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Hai là, hoàn thiện tổ chức bộ máy cung cấp thông tin, nhất là xác định đầu mối cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí một cách rõ ràng và cụ thể, thực hiện công khai những thông tin về cán bộ, công chức đầu mối (số điện thoại, email, họ tên...) và phương thức liên hệ với đầu mối để thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan báo chí. Tổ chức tập huấn, đào tạo cho đội ngũ người phát ngôn ở các cơ quan, đơn vị, nhằm trang bị kiến thức về nghề báo, kỹ năng tiếp xúc và trả lời báo chí cho người phát ngôn để họ dễ nắm bắt, chia sẻ thông tin cho nhà báo. Đồng thời, thiết lập đường dây nóng để trong trường hợp khẩn cấp, báo chí có thể liên lạc trực tiếp với

người phát ngôn thu thập thông tin được kịp thời, chính xác.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực quản lý. Các cơ quan Nhà nước cần phải ban hành cơ chế, chính sách về xã hội hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin và có sự hỗ trợ từ phía Nhà nước đối với các khoản chi phí sử dụng dịch vụ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia./.

Chú thích:

(1) Điểm c, khoản 1, Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018; Điểm b, khoản 1, Điều 18, Điều 20 Luật Tiếp cận thông tin 2016; Điều 38, Điều 41 Luật Báo chí 2016;

(2) Điểm c, khoản 2, Điều 25 Luật Báo chí 2016; Điều 14 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

Tài liệu tham khảo:

1. Hiến pháp 2013
2. Luật Báo chí 2016;
3. Luật Tiếp cận thông tin 2016;
4. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018;
5. Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;
6. Nghị định 09/2017/NĐ-CP quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính Nhà nước;
7. Viện Ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng, 2003;
8. TS. Đỗ Chí Nghĩa (Chủ biên), Báo chí và mạng xã hội, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2014;
9. Khoa Báo chí Trường Tuyên huấn Trung ương: Giáo trình nghiệp vụ báo chí (Lưu hành nội bộ), 2 tập, Hà Nội, 1977 và 1978;
10. C.Mác và Ph.Ăngghen, Những cuộc tranh luận về tự do báo chí và việc công bố các biên bản của Hội nghị các tầng cấp (Những cuộc tranh luận của Hội nghị dân biểu khóa 6 của tỉnh Ranh (Bài thứ nhất)), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995;
11. V.I.Lênin, Dự thảo và thuyết minh Cương lĩnh của Đảng Dân chủ - Xã hội, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005;
12. John Stuart Mill, Bàn về tự do, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2016;
13. Đề tài cấp quốc gia "Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa", mã số KX.01.41/16-20, Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, Hà Nội, 2019.



Pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - Thực trạng và giải pháp

 TS. NCV. Trần Văn Duy

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước (CQHCNN) là thuật ngữ dùng để chỉ thiết chế giữ vị trí pháp lý cao nhất trong CQHCNN, thực hiện vai trò lãnh đạo, quản lý hoạt động của CQHCNN, có nghĩa vụ và quyền cao nhất đối với hoạt động CQHCNN và chịu trách nhiệm về hoạt động của CQHCNN đó. Tuy nhiên, nhận thức của một số tổ chức Đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự sâu sắc, toàn diện. Do đó, cần có những nhận thức và giải pháp đột phá mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước (QLNN), đáp ứng yêu cầu đổi mới hệ thống pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu CQHCNN.

1. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu CQHCNN đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Thứ nhất, hiện nay, chúng ta đã có khung thể chế quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó có người đứng đầu CQHCNN. Đây là thành quả thể hiện những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong việc thể chế hóa



Hình ảnh Bác Hồ tát nước chống hạn tại Tả Thanh Oai.

Ảnh tư liệu, nguồn Internet

nội dung trách nhiệm của người đứng đầu, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc điều chỉnh trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN để xác định địa vị pháp lý rõ ràng hơn về người đứng đầu CQHCNN - định chế pháp lý xác lập vị trí công tác cao nhất trong CQHCNN với những thẩm quyền và trách nhiệm tương ứng để hoàn thành tốt vai trò là người đứng đầu. Cụ thể:

Một là, hệ thống các văn bản dành riêng để điều chỉnh trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Có thể kể đến các văn bản như: Nghị định 211/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 107/2006/NĐ-CP quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý,



phụ trách; Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; Nghị định số 103/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức (CBCC), viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 08/2007/TT-BNV ngày 01/10/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước...

Hai là, hệ thống các văn bản dành riêng để điều chỉnh trách nhiệm của CBCC nói chung, trong đó có nội dung về trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức. Có thể kể đến các văn bản như: Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Luật CBCC năm 2008.

Ba là, hệ thống các văn bản dành riêng để điều chỉnh quy định riêng cho từng chức danh người đứng đầu từng loại hình tổ chức, ví dụ: Trách nhiệm của Thủ tướng, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thể xem xét qua các văn bản cơ bản như Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2015... Trách nhiệm của chủ tịch UBND có thể xem xét qua Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015...

Ngoài ra, trách nhiệm của các chức danh người đứng đầu CQHCNN cụ thể còn có thể được thể hiện qua các bản quy chế làm việc nội bộ của CQHCNN, trách nhiệm của Thủ tướng, các bộ trưởng có thể được thể hiện qua Quy chế làm việc của Chính phủ, trong đó phân định trách nhiệm của Thủ tướng, của bộ trưởng; quy chế làm việc

của UBND, trong đó, phân định trách nhiệm của chủ tịch UBND với các thành viên khác...

Do đó, khung thể chế trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN được tồn tại dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật theo một trật tự và thể thức nhất định với các cấp độ hiệu lực pháp lý khác nhau từ Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật. Pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN thể chế hóa chủ trương của Đảng, là phương tiện xác định cơ sở pháp lý về quyền, nghĩa vụ của người đứng đầu CQHCNN đối với cấp trên, cán bộ, công chức trong đơn vị và với Nhân dân, bảo đảm trật tự kỷ cương trong cơ quan hành chính; quy định người đứng đầu CQHCNN phải gương mẫu trong tổ chức thực hiện pháp luật, các hành vi vi phạm pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh. Pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN là cơ sở pháp lý đảm bảo cho các cơ quan có chức năng kiểm tra, thanh tra tiến hành các hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo người đứng đầu CQHCNN và các chủ thể khác phải tuân thủ Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho Nhân dân tiến hành các hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động do người đứng đầu cơ quan thực hiện. Bởi lẽ, người đứng đầu là cá nhân (thủ trưởng) có quyền lực trong lãnh đạo, quản lý và đứng đầu chỉ huy, tổ chức một đơn vị hoặc một tổ chức nhất định để thực hiện mục tiêu lãnh đạo quản lý đã đề ra (nêu theo nghĩa hẹp). Theo nghĩa rộng, người đứng đầu là chỉ cá nhân hoặc tập thể có quyền lực nhất định trong lãnh đạo, quản lý, gánh vác trách nhiệm nhất định và đứng đầu chỉ huy, tổ chức một đơn vị hoặc một tổ chức nhất định để thực hiện mục tiêu lãnh đạo, quản lý đã đề ra⁽¹⁾. Như vậy, người đứng đầu CQHCNN là “một định chế pháp lý”; “xác lập vị trí công tác cao nhất”; “là cá nhân”; “có quyền lực trong lãnh đạo, quản lý”.

Thứ hai, các quy định pháp luật đã quy định phạm vi trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, bao gồm trách nhiệm

đối với nội bộ và trách nhiệm đối với xã hội. Nội dung điều chỉnh pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN được xác định khá rõ ràng và cụ thể. Điều đó được phản ánh qua một số nội dung cơ bản quy định xác định trách nhiệm trong tổ chức quản lý đội ngũ CBCC thuộc quyền, trong quản lý tài sản công, trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm...; quy định xác định trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc ban hành văn bản quản lý nhằm thực hiện các chức năng lãnh đạo, quản lý; quy định xác định trách nhiệm đối với kết quả hoạt động của CQHCNN.

Bởi lẽ, trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN mang tính xã hội sâu sắc. Trước hết, về mặt lợi ích, người đứng đầu CQHCNN có trách nhiệm với toàn thể Nhân dân, toàn thể xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đặc điểm này gắn liền với một nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp năm 2013 của nước ta, đó là: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”, “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân...” (Khoản 1, 2 Điều 2).

Đồng thời Khoản 3, Điều 2, Hiến pháp năm 2013 bổ sung và phát triển nguyên tắc: “Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Điều này thể hiện rằng, tất cả những người làm việc trong bộ máy của Nhà nước đều phải có trách nhiệm đối với Nhân dân và đất nước. Trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN là thiết chế trách nhiệm cá nhân.

Trên thực tế, “trong hoạt động của lĩnh vực công, càng tập trung, càng làm việc tập thể với nguyên tắc đa số để ban hành quyết định bao nhiêu, thì càng tạo cơ sở nhiều hơn cho sự ý lại và không chịu trách nhiệm cá nhân bấy nhiêu. Bởi vậy, cần có sự đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Mặt khác, mọi vấn đề được quyết định một cách nhanh chóng, tinh thần trách nhiệm được đặt cao trong mỗi quyết sách



sẽ tránh được phần lớn tranh luận, bàn cãi, gây ra quá nhiều ý kiến trái chiều và không thể giải quyết được vấn đề.

Có thể nói, trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN mang tính bao quát cao. NĐĐCQHC Nhà nước có trách nhiệm đối với hai nhóm chủ thể cơ bản, đó chính là trách nhiệm đối với nội bộ và trách nhiệm đối với xã hội. Trách nhiệm đối với nội bộ là trách nhiệm đối với hệ thống các cơ quan Nhà nước gồm các cơ quan: Lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trách nhiệm xã hội của người đứng đầu được hiểu là sự cam kết ứng xử của người đứng đầu phù hợp với lợi ích của xã hội trong các hoạt động liên quan đến lợi ích của xã hội, của người dân. Trách nhiệm xã hội hướng đến mục tiêu lớn nhất là lợi ích của người dân, của xã hội, vì sự phát triển bền vững, tốt đẹp của xã hội. Đây là loại hình trách nhiệm có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của Nhân dân và mỗi cá nhân trong hoạt động hành chính Nhà nước⁽²⁾.

Thứ ba, đã hình thành được khung thể chế ngày càng rõ nét các quy định pháp luật, cũng đã quy định các loại hình trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, bao gồm trách nhiệm chính trị, trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm đạo đức trong thực thi công vụ. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng để người đứng đầu CQHCNN thực hiện trách nhiệm cũng như là căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đánh giá, xem xét trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN.

Chịu trách nhiệm về sự thành, bại của một công việc, một công tác đã nhận là hệ quả một người phải nhận lấy từ sự ràng buộc giữa quyền và nghĩa vụ: Làm tốt thì được khen thưởng, làm hỏng thì chịu phạt. Nếu kết quả thực hiện những nghĩa vụ và quyền không tốt, người đứng đầu CQHCNN sẽ phải chịu trách nhiệm. Tương ứng với quyền quyết định cao nhất, bao quát các lĩnh vực, các hoạt động của CQHCNN, người đứng đầu CQHCNN phải là người chịu trách nhiệm về các lĩnh vực, các hoạt động cũng như về kết quả hoạt động của CQHCNN. Người đứng đầu CQHCNN phải chịu trách nhiệm trước các chủ thể khác nhau với các hình thức chế tài khác nhau

tùy thuộc vào đó là loại hình trách nhiệm chính trị, pháp lý hay đạo đức.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu vẫn còn tồn tại những hạn chế trong pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu CQHCNN: Chưa xác định rõ quan niệm về người đứng đầu CQHCNN trong các văn bản pháp luật; các quy định pháp luật chưa thống nhất cách hiểu về “trách nhiệm” của người đứng đầu CQHCNN; các quy định về quyền của người đứng đầu CQHCNN còn chung chung và thiên về quy định quyền lợi hơn là quyền hạn được làm để thực hiện tốt các nghĩa vụ được giao.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan Nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, chú ý đến việc hoàn thiện thể chế phân định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của người đứng đầu CQHCNN với tập thể đơn vị; Hoàn thiện các quy định về nội dung cũng như các điều kiện bảo đảm để thực hiện có hiệu quả pháp luật trong lĩnh vực này. Về mặt hình thức, cần tiến hành rà soát, loại bỏ những quy định chông chéo, mâu thuẫn không khả thi, tiền đề pháp điển hóa pháp luật về trách nhiệm người đứng đầu cơ quan Nhà nước nói chung, CQHCNN nói riêng thành văn bản luật có giá trị hiệu lực pháp lý cao.

Hai là, rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định về xác định trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, loại bỏ những quy định bất hợp lý, không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phân định rõ vai trò lãnh đạo của người đứng đầu các cấp ủy Đảng với vai trò tổ chức, điều hành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp:

- Cần đảm bảo quy định nhất quán về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN. Trước hết, trong các văn bản pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, thuật ngữ “trách nhiệm” cần được hiểu theo một nghĩa thống nhất xem trách nhiệm bao gồm ba yếu tố cấu thành: Những việc

phải làm, không được làm (nghĩa vụ, nhiệm vụ), những việc được làm, những thứ được nhận (quyền hạn, quyền lợi), và chế tài xử lý (chịu trách nhiệm)⁽³⁾. Do đó, các thuật ngữ: “nghĩa vụ”/“nhiệm vụ”, “quyền”/“quyền hạn”, “chịu trách nhiệm” cần được phân biệt với nhau một cách rõ ràng. Nếu như đó là việc phải làm, không được làm, thì nên gọi đó là nghĩa vụ/ nhiệm vụ. Nếu như đó là việc được làm, thì gọi đó là quyền hạn; Nếu như đó là hậu quả phải gánh chịu do thực hiện không đúng, không tốt nghĩa vụ và quyền, thì gọi là chịu trách nhiệm. Còn nếu đã nói đến “trách nhiệm”, “chế độ trách nhiệm”, thì cần hội tụ đầy đủ cả ba yếu tố trên. Do đó, trong các quy định về “trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN” phải bao gồm một tổng thể thống nhất tương thích của ba yếu tố: Nghĩa vụ, quyền, việc chịu trách nhiệm. Còn nếu thuật ngữ “trách nhiệm” khi thì được hiểu với nghĩa là “nhiệm vụ, quyền hạn”, khi thì hiểu là “chịu trách nhiệm” sẽ rất dễ gây ra sự nhầm lẫn hoặc có cách hiểu không thống nhất. Điều đó không thuận lợi cho hoạt động quản lý Nhà nước, một lĩnh vực vốn rất cần sự rõ ràng và nhất quán⁽⁴⁾.

Các quy định cần đưa ra đầy đủ yêu cầu, mục tiêu, phương hướng, giải pháp và đặc biệt có những giải pháp đột phá mạnh mẽ thì mới giải quyết được các vấn đề thực tế đặt ra.

Theo đó, các quy định ban hành cụ thể hóa vai trò, vị trí, trách nhiệm của người đứng đầu, trong đó, chú trọng đến chế tài xử phạt khi người đứng đầu chính quyền vi phạm công tác điều hành, quản lý. Ban hành các quy định theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu và chính quyền cơ sở, hiệu quả và năng suất từ kết quả nhiệm vụ được giao sẽ quy định kết quả, trách nhiệm của cấp đó, bỏ bớt tính cao thấp của chính quyền các cấp, đồng thời bỏ bớt chế độ báo cáo không cần thiết. Đẩy mạnh việc giao quyền tạo sự chủ động, quyền tự chủ, tự quyết của người đứng đầu trên cơ sở định lượng công việc được giao. Thể chế hóa các phương thức quản lý, giám sát chính quyền cơ sở và người đứng đầu như minh bạch, công khai, hướng dẫn công tác giám sát của người dân. Ban hành quy định



ứng xử của người đứng đầu trong đó có người đứng đầu chính quyền. Ban hành quy trình bỏ phiếu tín nhiệm người đứng đầu chính quyền, chú trọng hình thức không tín nhiệm gắn với chế tài xử lý và hình thức bãi nhiệm. Quy định tiêu chuẩn của người đứng đầu. Quy định có bổ sung các tiêu chuẩn phù hợp yêu cầu loại hình chính quyền.

- Cụ thể hóa các quy định nhất thể hóa người đứng đầu cấp ủy Đảng và người đứng đầu CQHCNN các cấp. Làm rõ trách nhiệm lãnh đạo của bí thư Đảng ủy và trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền bằng việc thể chế hóa và tăng cường trách nhiệm lãnh đạo và điều hành quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhất thể hóa để tránh thực trạng chuyên quyền, lạm quyền và quan liêu khi gia tăng việc trao quyền. Cơ chế kiểm soát tham gia mạnh mẽ và hiệu lực với thành phần tham gia chọn lựa kỹ.

- Thể chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, hoạt động của Đảng và chính quyền. Phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ điều hành, thẩm quyền quyết định thuộc về cá nhân người đứng đầu và thẩm quyền thuộc về tập thể. Tăng quyền quyết định những vấn đề quan trọng của chính quyền đối với người đứng đầu, lấy kết quả giải quyết kiến nghị của người dân làm kết quả phản ánh năng lực công tác, nâng định lượng và số lượng hoạt động giám sát, thị sát, kiểm tra, điều hành hoạt động. Thể chế hóa nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng theo hướng định lượng các nội dung cụ thể. Các hình thức kỷ luật rõ ràng hơn, công tác tổ chức cán bộ minh bạch, bám sát yêu cầu thực tiễn.

3. Kết luận

Trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN chính là sự huy động tối đa nguồn lực chính trị - xã hội tại chính quyền của người được giao nhiệm vụ Nhà nước cao nhất ở chính quyền đó; gắn liền với việc xây dựng chính quyền vận hành tốt, hiệu lực hiệu quả cao, một chính quyền theo hướng tiến bộ, hiện đại của một nền quản trị tốt, giải quyết những bất cập đang diễn ra hàng ngày ảnh hưởng đến đời sống an sinh của người dân. Vấn đề quyền lực cá nhân người đứng đầu tác động mạnh mẽ đến chính quyền và theo chiều ngược lại, một chính quyền tốt là cơ sở quan trọng cho người đứng đầu thực thi trách nhiệm chính trị của mình.

Trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN không đơn thuần là chế tài xử phạt hay biện pháp xử lý vi phạm của người đứng đầu chính quyền để đảm bảo nền hành chính công hiệu quả. Sự tôn nghiêm của pháp quyền mà quan trọng hơn trách nhiệm chính trị khi gắn với đời sống chính trị sẽ hoàn thiện, bổ sung được những hạn chế trong các quy định thông qua các hành vi chính trị khi gắn với thể chế chính trị./.

Chú thích:

(1) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ năm 2009, Cơ quan chủ trì: Viện Nhà nước và Pháp luật, Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trịnh Đức Thảo, Hà Nội, tr.23;

(2) Bùi Thị Hải (2017), Pháp luật về trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, truy cập tại http://tcnn.vn/news/detail/35945/Phap_luat_ve_trach_nhiem_cua_nguoi_dung_dau_co_quan_hanh_chinh_nha_nuocall.html;

(3) Bùi Thị Ngọc Mai (2015), Về thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu CQHCNN, Tạp chí Quản lý Nhà nước số 6/2015, tr. 20-24;

(4) Vũ Văn Phúc (2012), Báo cáo Hội thảo khoa học "Thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị", Tạp chí Cộng sản, Ban Tổ chức Trung ương và Tỉnh ủy Bắc Ninh tổ chức, Bắc Ninh, tr. 1-9.

THU NHỚ

Đã qua mấy mùa Thu
Em chưa về thành phố
Nghe tiếng chim rừng kêu
Nhớ hoài về phố nhỏ

Nhớ heo may ngon gió
Đêm mùa Thu thắm sâu
Ngày nồng hương hoa sữa
Ngày chúng mình xa nhau

Nhớ da diết còi tàu
Sân ga chiều đưa tiễn
Nhớ đáng bàn tay vẫy
Dịu hiền trong sương giăng

Dấu chia nửa vầng trăng
Dấu xa xôi thành phố
Kỷ niệm chẳng nhạt phai
Ngọt ngào thu thương nhớ!

Lê Hoài Minh





Một số kinh nghiệm trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Thanh tra Bộ Công an

 **Thiếu tướng, TS. Phạm Lê Xuất**

Nguyên Phó Chánh Thanh tra Bộ Công an



Thượng tướng Nguyễn Văn Thành, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an cùng các đại biểu tham dự Hội nghị tổng kết công tác năm 2019 và triển khai công tác năm 2020 của Thanh tra Bộ Công an.

Ảnh: BCA

Trong những năm gần đây, tình hình khiếu nại, tố cáo có nhiều diễn biến phức tạp, nội dung khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, xảy ra ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả

nước, nhiều nhất là các địa phương có các khu đô thị, công nghiệp phát triển liên quan đến vấn đề đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng khi chưa có sự thống nhất giữa các nhà đầu tư với người dân địa phương. Việc khiếu nại, tố cáo của người dân xảy ra nhiều ở những thời điểm diễn

ra các sự kiện chính trị như Hội nghị Trung ương, các kỳ họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc thời điểm diễn ra Đại hội Đảng các cấp... Vào những thời điểm đó, người khiếu nại, tố cáo từ các nơi tập trung về các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nơi có trụ sở



các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Quốc hội để khiếu kiện. Phần lớn các vụ việc mà người dân khiếu nại, tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết một cách kịp thời đúng pháp luật. Bên cạnh đó, cũng có nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo không đúng quy định pháp luật, bị các phần tử cơ hội chính trị lợi dụng để kích động lôi kéo nhiều người tham gia, thành những đoàn khiếu kiện đông người kéo đến trụ sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành nhằm gây áp lực để các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phải giải quyết. Những vụ việc khiếu nại, tố cáo trên đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới an ninh trật tự cho trụ sở cơ quan Nhà nước, các bộ, ngành, trong đó có Trụ sở Tiếp công dân của Bộ Công an đặt tại Thanh tra Bộ Công an (gọi tắt Trụ sở Tiếp công dân Thanh tra Bộ công an).

Qua thực tế công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo cho thấy, những năm qua Trụ sở Tiếp công dân Thanh tra Bộ công an cũng là một trong những nơi nhận được nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo và tiếp đón nhiều người, nhiều đoàn đông người đến để khiếu nại, tố cáo. Chỉ tính riêng trong 2 năm 2018 và 2019, Trụ sở Tiếp công dân Thanh tra Bộ công an đã tiếp 1.854 lượt công dân, có 30 đoàn khiếu nại, tố cáo đông người, trong đó chỉ có 8 đoàn thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an, 22 đoàn khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cưỡng chế, thu hồi, giải tỏa, đền bù đất đai không thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an nhân dân (CAND), tuy nhiên, những người đến khiếu nại, tố cáo và các đoàn khiếu nại, tố cáo đông người trên đều được cán bộ tiếp công dân đón tiếp, xử lý theo đúng quy định pháp luật nên không để xảy ra tình trạng mất trật tự an ninh.

Về tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, Thanh tra Bộ Công an với chức năng là cơ quan tham mưu giúp lãnh đạo Bộ trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống

tham nhũng trong CAND, là đầu mối tiếp nhận, xử lý đơn thư của cơ quan Bộ Công an, trong 2 năm 2018, 2019, đã tiếp nhận 22.389 đơn thư các loại, trong đó thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an 12.245 đơn chiếm 54,7% tổng số đơn tiếp nhận. Thanh tra Bộ Công an đã phân loại xử lý theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an, chuyển đến thủ trưởng Công an các đơn vị có thẩm quyền để giải quyết (Thanh tra Bộ Công an được lãnh đạo Bộ giao kiểm tra, xác minh 145 đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng), đồng thời có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy kết quả giải quyết năm 2018 đạt 89,83%, năm 2019 đạt 90,64%, riêng các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng giao Thanh tra Bộ xác minh đề xuất giải quyết đạt 100%. Theo đánh giá của Bộ Công an thì kết quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thời gian qua đã góp phần quan trọng cho việc thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ thực tiễn công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực an ninh trật tự và những kết quả đã đạt được trong những năm qua, Thanh tra Bộ Công an rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, Thanh tra Bộ Công an với vai trò vừa là cơ quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ vừa trực tiếp làm công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến lực lượng CAND đã xác định rõ đây không chỉ là nhiệm vụ được giao, mà còn là kênh thông tin rất quan trọng từ Nhân dân tham gia, góp ý với lực lượng Công an, để tham mưu cho lãnh đạo Bộ chỉ đạo điều chỉnh những quy định pháp luật về an ninh trật tự chưa phù hợp với thực tế để phát sinh khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, đề xuất những giải pháp hữu hiệu phòng ngừa tiêu cực

tham nhũng của cán bộ chiến sĩ Công an trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Vì vậy, trong những năm qua, Đảng ủy, lãnh đạo Thanh tra Bộ Công an đã xây dựng những nghị quyết chuyên đề, chuyên sâu về công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, giao cho cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện, có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của cấp ủy, lãnh đạo đơn vị nhằm thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Tiếp công dân và pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lực lượng CAND.

Thứ hai, Thanh tra Bộ Công an đã tham mưu cho Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo. Sau khi Luật Tiếp công dân năm 2013 và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân có hiệu lực, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 30/2015/TT-BCA quy định về công tác tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh trong CAND, tiếp đó, ngày 10/3/2016, Bộ Công an có Quyết định số 806/QĐ-BCA-V24 ban hành nội quy địa điểm tiếp công dân của Bộ Công an và giao cho Thanh tra Bộ trực tiếp quản lý và điều hành Trụ sở Tiếp công dân. Ngoài ra Thanh tra Bộ còn tham mưu cho lãnh đạo Bộ tổ chức 4 lớp tập huấn về công tác tiếp công dân cho cán bộ thanh tra làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trong CAND về những quy định pháp luật và kỹ năng tiếp công dân.

Thứ ba, về công tác tiếp công dân: Thanh tra Bộ đã chủ động đề xuất Bộ trưởng ban hành Kế hoạch số 251/KH-BCA-V24 ngày 30/8/2016 về việc tiếp công dân của lãnh đạo Bộ Công an theo quy định của Luật Tiếp công dân, lựa chọn những vụ việc phức tạp liên quan đến nhiều đơn vị địa phương để lãnh đạo Bộ tiếp, chỉ đạo,



xử lý giải quyết. Thành phần tham gia tiếp công dân với lãnh đạo Bộ ngoài thanh tra còn có lãnh đạo các đơn vị, địa phương liên quan báo cáo tình hình vụ việc, đồng thời tiếp thu ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ để thực hiện. Vì vậy các vụ việc do lãnh đạo Bộ Công an tiếp đều được chỉ đạo xử lý rất rõ ràng, cụ thể, có hiệu quả, nhiều vụ việc được kết luận, giải quyết ngay tại buổi tiếp công dân. Do đó, khi nhận được thông báo lịch tiếp dân của lãnh đạo Bộ Công an những người, đoàn khiếu nại, tố cáo đồng người được thông báo đều có mặt đầy đủ, chấp hành đúng nội quy nơi tiếp công dân để được tiếp, xử lý và giải quyết.

Thứ tư, Thanh tra Bộ Công an rất chú trọng việc bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác tiếp công dân, lựa chọn những cán bộ có năng lực, ngoài việc nhận thức sâu sắc về pháp luật, còn phải có nhận thức về xã hội, hiểu biết về các ngành, các lĩnh vực. Về phẩm chất đạo đức phải lựa chọn những người thực sự có tâm huyết với công việc, có bản lĩnh nghề nghiệp, bình tĩnh, linh hoạt xử lý những tình huống phức tạp, nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng bức xúc, phản ứng của người đến khiếu nại, tố cáo, không để gây mất an ninh trật tự tại Trụ sở Tiếp công dân.

Về phương pháp tiếp công dân, khi có công dân hoặc đoàn khiếu nại, tố cáo đồng người đến Trụ sở Tiếp công dân, trước hết phải bố trí cho công dân nơi ngồi chờ để được tiếp. Khi tiếp thái độ phải mềm mỏng, bình tĩnh, chú ý lắng nghe người khiếu nại, tố cáo hoặc đại diện của họ trình bày về nội dung khiếu nại, tố cáo (không được có thái độ thờ ơ hoặc thiếu bình tĩnh cắt ngang khi họ đang trình bày, kể cả nội dung không thuộc trách nhiệm của cơ quan mình). Sau đó xác định những nội dung nào thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Công an, thì cán bộ tiếp công dân vào sổ nhận đơn để đề xuất người có thẩm quyền xử lý, đối với những vụ việc phức tạp có liên quan đến nhiều đơn vị, địa phương thì đề xuất lãnh đạo Thanh tra Bộ, lãnh đạo Bộ Công

an tiếp, xử lý, đồng thời thông báo việc xử lý đơn cho công dân theo đúng nội dung và thời hạn quy định của Luật Tiếp công dân. Trường hợp nội dung khiếu nại, tố cáo không thuộc trách nhiệm giải quyết của Công an thì giải thích và hướng dẫn cụ thể cho công dân đến nơi có thẩm quyền để giải quyết. Từ đó đã tạo được sự đồng thuận của người khiếu nại, tố cáo với lực lượng Công an, góp phần hạn chế tối thiểu tình trạng bức xúc, thiếu kiềm chế của người đoàn khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở Tiếp công dân.

Thứ năm, việc xử lý đơn thư của công dân: Trước đây do các phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo các địa phương và phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ quan Bộ của Thanh tra Bộ Công an tiếp nhận, phân loại xử lý, còn phòng tiếp công dân chỉ làm nhiệm vụ tiếp dân và chuyển đơn khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận đến hai phòng nghiệp vụ trên để xử lý, theo dõi kết quả giải quyết. Vì vậy, phòng tiếp công dân không nắm được vụ việc xử lý để thông báo cho người khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Tiếp công dân. Nhiều trường hợp người khiếu nại, tố cáo đến Trụ sở Tiếp công dân yêu cầu thông báo việc xử lý hoặc kết quả giải quyết, khi đó, phòng tiếp công dân phải làm việc với các phòng trên để lấy kết quả thông báo cho công dân. Đây là một bất cập gây chậm trễ trong việc trả lời công dân. Để thực hiện quy định của Luật Tiếp công dân và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân khi đến khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở Tiếp công dân của Bộ Công an, Thanh tra Bộ đã đề xuất và được Bộ trưởng đồng ý bổ sung chức năng, nhiệm vụ của phòng tiếp công dân và các phòng xử lý đơn cho phù hợp với các yêu cầu trên. Theo đó, phòng tiếp công dân vừa có chức năng tiếp công dân vừa có chức năng xử lý đơn thư. Quy định này đã phát huy được hiệu quả của công tác tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo tại Thanh tra Bộ Công an.

Thứ sáu, thường xuyên trao đổi thông tin về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo giữa Trụ sở Tiếp công dân Thanh tra Bộ Công an với Trụ sở Tiếp công dân của Trung ương Đảng, Nhà nước, của các bộ, ngành và các địa phương để nắm bắt tình hình, phối hợp xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo, nhất là đối với các đoàn đồng người để chủ động đón tiếp khi họ đến Trụ sở Tiếp công dân của Bộ Công an.

Để tiếp tục thực hiện nghiêm túc Luật Tiếp công dân và các quy định của pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lực lượng CAND, Thanh tra Bộ tiếp tục tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an ban hành quy chế, quy trình tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở Tiếp công dân của Bộ Công an và địa điểm tiếp công dân của Công an các địa phương trong cả nước, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, nêu cao trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân của thủ trưởng Công an các cấp theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân. Công an các địa phương phải bố trí địa điểm tiếp công dân tại vị trí thuận lợi cho công dân đến khiếu nại, tố cáo, bố trí cán bộ có trình độ, năng lực phẩm chất, tâm huyết với công việc làm nhiệm vụ tiếp công dân, thực hiện công tác kiểm tra, hướng dẫn thường xuyên của cấp trên đối với cấp dưới về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Bên cạnh đó, phải xem nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong CAND là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Công an các đơn vị, địa phương. Làm tốt công tác này không chỉ đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương mà còn góp phần xây dựng lực lượng Công an ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững được niềm tin của Nhân dân đối với lực lượng CAND trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội./.



Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

 **Lê Đức Trung**

Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra



Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp 6 tháng đầu năm 2020.

Ảnh: Lan Anh

Trong những năm vừa qua, công tác dân vận của cơ quan Nhà nước nói chung, công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng được cấp ủy, cơ quan Nhà nước các cấp quan tâm, tích cực thực hiện và đã đạt được kết quả quan trọng. Các văn bản pháp luật liên quan đến tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, quyền dân chủ của Nhân dân, tổ chức, hoạt động của cơ quan Nhà nước các cấp đã quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận.

Được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có chuyển biến tích cực. Nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, công chức và công dân ngày càng được nâng lên. Pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được hoàn thiện. Các cơ quan, tổ chức đã quan tâm tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, đã giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài,

góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Phương thức hoạt động của các cơ quan Nhà nước đã được đổi mới theo hướng vì Nhân dân, chăm lo, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân. Mở rộng dân chủ, phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân... đã và đang góp phần quan trọng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo báo cáo của Ban Dân vận Trung ương tại Hội nghị tổng kết công tác dân vận



năm 2019 thì năm 2019, các cấp ủy Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị tiếp tục quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, đổi mới nội dung, phương thức, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm đối với công tác dân vận của cơ quan Nhà nước nói chung, công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng. Các cấp ủy Đảng tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong quan hệ với Nhân dân. Các cơ quan Nhà nước quan tâm, hoàn thiện pháp luật, giải quyết lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của người dân. Chính quyền các cấp đẩy mạnh thực hiện các nội dung của “Năm Dân vận chính quyền” 2019, quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, tăng cường đối ngoại, cải thiện và nâng cao cuộc sống của Nhân dân. Đồng thời, các cơ quan cũng đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, đẩy mạnh đối thoại, tập trung giải quyết các vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người, kéo dài.

Năm 2019, có 478.237 lượt công dân đến cơ quan hành chính khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, với 304.209 vụ việc, 4.611 lượt đoàn đông người. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng đã tiếp 20.233 lượt công dân (tăng 19,6%) với 3.992 vụ việc, 530 lượt đoàn đông người. Các địa phương đã tiếp 400.097 lượt công dân, với 246.275 vụ việc, giảm 1,9% số lượt đoàn đông người... Các cơ quan hành chính Nhà nước cũng đã giải quyết 28.428 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 86,2%... Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng cũng đã đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện, vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, phát triển tổ chức. Thực hiện vai trò cầu nối giữa Đảng với Nhân dân; Động viên Nhân dân tham gia các phong

trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn. Ban Dân vận các cấp tiếp tục phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, tổ chức Đảng lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hệ thống chính trị thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng đối với công tác dân vận. Phối hợp với cơ quan Nhà nước, chính quyền các cấp, các cơ quan, tổ chức đẩy mạnh công tác dân vận trong tình hình mới.

Những kết quả tích cực trên đã góp phần tạo đồng thuận xã hội, động viên Nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Tuy nhiên, công tác dân vận của cơ quan Nhà nước nói chung, công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và một bộ phận đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về vai trò, vị trí công tác dân vận trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nói riêng chưa được quan tâm đúng mức.

Hiệu quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách hành chính chưa cao, Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền. Việc lấy ý kiến Nhân dân khi xây dựng, triển khai đề án, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nơi còn hình thức dẫn đến khiếu nại. Một số chính sách, pháp luật chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Sự phối hợp giữa các địa phương và các cơ quan chức năng của Trung ương còn chưa chặt chẽ, nhất là khi xử lý những vụ việc khiếu kiện phức tạp, đông người. Còn

tình trạng dùn dẩy việc giải quyết khiếu nại của dân lên Trung ương. Một số vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết đúng chính sách, pháp luật, nhưng không được chấp hành nghiêm túc. Tình hình trên đã tác động tiêu cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội, tạo cơ để các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng chống phá, làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bối cảnh hiện nay, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện pháp luật tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Về hoàn thiện pháp luật tiếp công dân

- Luật Tiếp công dân năm 2013 cần bổ sung quy định cụ thể về phạm vi tiếp công dân của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ. Theo báo cáo của các bộ, ngành, một số vụ việc công dân đề nghị được bộ trưởng tiếp nhưng nội dung, thẩm quyền xem xét, giải quyết không thuộc phạm vi quản lý của bộ gây mất nhiều thời gian cho lãnh đạo bộ, ảnh hưởng đến công việc điều hành và hoạt động chung của bộ.

- Khoản 5, Điều 12 và khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân năm 2013 đã quy định cụ thể trách nhiệm tiếp công dân trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ mỗi tháng 01 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ mỗi tháng 02 ngày. Trên thực tế rất khó thực hiện, nên quy định tần suất tiếp định kỳ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân nói chung hoặc trong những trường hợp cần thiết Chủ tịch được ủy quyền hoặc giao cho Phó Chủ tịch tiếp công dân.

Tương tự như khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định người đứng đầu cơ quan có trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất một ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình mà không quy định



người đứng đầu được ủy quyền trong công tác tiếp công dân. Theo đó, khoản 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013 cũng quy định “trường hợp không thể thực hiện việc tiếp công dân theo lịch đã công bố do có lý do chính đáng thì có thể lùi lịch tiếp công dân sang thời gian khác”. Quy định này đã gây khó khăn cho công tác tiếp công dân của người đứng đầu.

- Hướng dẫn cụ thể về quyền và trách nhiệm của người phiên dịch đối với trường hợp công dân không sử dụng được tiếng Việt khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. Việc tiếp và xử lý đối với trường hợp đoàn đông người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung nhưng không có văn bản cử người đại diện. Hướng dẫn cụ thể hơn khoản 3, Điều 9 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định cán bộ tiếp công dân có quyền từ chối tiếp trong trường hợp “người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn có tình khiếu nại, tố cáo kéo dài”. Thực tế, nhiều trường hợp đã có thông báo chấm dứt giải quyết, nhưng công dân vẫn liên tục đến khiếu nại, tố cáo gay gắt mà cán bộ tiếp công dân không thể từ chối việc tiếp.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thống nhất trên toàn quốc, tạo thuận lợi trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, cán bộ thực hiện nhiệm vụ, khắc phục việc thiếu thông tin liên quan đến vụ việc, dẫn đến không có sự thống nhất, thậm chí xử lý thiếu chính xác gây bức xúc cho công dân cũng như cơ quan có thẩm quyền.

- Hoàn thiện quy định về tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân: Quy định rõ ràng, cụ thể cơ quan quản lý Nhà nước về tiếp công dân, điều phối hoạt động phối hợp tại trụ sở tiếp công dân. Mỗi cơ quan, tổ chức có vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng nên hoạt động tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân không tập trung thống nhất vào một đầu mối. Sự phối hợp cần

lúng túng, bị động trong giải quyết các tình huống thực tiễn.

Pháp luật cũng cần quy định rõ ràng, đầy đủ thẩm quyền của các cơ quan tham gia tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân. Quy định mối quan hệ giữa các Ban Tiếp công dân, giữa Ban Tiếp công dân với cơ quan thanh tra các cấp, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo; hoàn thiện quy định về trách nhiệm phối hợp tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; hoàn thiện quy định về việc tiếp công dân định kỳ cho phù hợp với thực tiễn. Bổ sung quy định về xử lý vi phạm pháp luật về tiếp công dân, về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết kiến nghị, phản ánh. Nghiên cứu ban hành các quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết kiến nghị, phản ánh...

Về hoàn thiện pháp luật khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trước hết phải bắt đầu từ những thay đổi căn bản trong nhận thức về bảo đảm quyền khiếu nại hành chính của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Hoàn thiện hệ thống các quy định về: Đối tượng khiếu nại, quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, nguyên tắc giải quyết khiếu nại, thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại. Trình tự, thủ tục thi hành quyết định giải quyết khiếu nại. Những bảo đảm cho việc thực hiện quyền khiếu nại. Mở rộng, bổ sung quy định pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trên các lĩnh vực. Bổ sung những quy định có tính nguyên tắc về khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực chuyên ngành, trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp. Việc bổ sung những quy định này vừa bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật về khiếu nại hành chính, vừa tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức trên giải quyết có hiệu quả các khiếu nại trong phạm vi thẩm quyền quản lý...

Về hoàn thiện pháp luật tố cáo và giải quyết tố cáo

Pháp luật về tố cáo cần được hoàn thiện theo hướng: Bảo đảm cho công dân có thể thực hiện quyền tố cáo một cách đơn giản, thuận tiện, không đặt nặng vấn đề xử lý trách nhiệm đối với người tố cáo sai sự thật (việc xử lý chỉ được đặt ra đối với trường hợp cố ý với dụng ý xấu nhằm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các cơ quan, tổ chức, cá nhân), có cơ chế bảo vệ người tố cáo và cả người bị tố cáo khi bị tố cáo oan sai. Cơ chế giải quyết tố cáo phải kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan. Quy định cụ thể trách nhiệm của các cấp, cơ quan có thẩm quyền trực tiếp giải quyết tố cáo. Phân định rõ thẩm quyền giải quyết đối với hành vi vi phạm bị tố cáo, không chỉ đối với những vi phạm về nhiệm vụ, công vụ mà còn đối với những vi phạm về đạo đức, lối sống. Quy định rõ trách nhiệm chứng minh đối với các hành vi bị tố cáo thuộc về cơ quan Nhà nước, ngăn chặn kịp thời hành vi lạm quyền trong việc giải quyết tố cáo.

Hai là, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân vận của cơ quan hành chính trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ trong các cơ quan hành chính Nhà nước. Tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của Nhân dân, làm cho Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ máu thịt của Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ quan hành chính về vị trí, vai trò công tác dân vận trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, nhất trí với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ công tác dân vận trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lực lượng của dân rất to.



Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”.

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về dân vận thành các văn bản pháp luật để các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân thực hiện.

- Đổi mới nội dung, phương thức thực hiện công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đưa công tác này trở thành nhiệm vụ thường xuyên gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giảm các thủ tục hành chính để gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị về thực hiện công tác dân vận trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền và năng lực, phẩm chất kém./.

Thực tiễn thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra hiện nay và một số kiến nghị, đề xuất

 **Ths. Hồ Thị Thu An**

Trưởng phòng, Vụ Pháp chế, TTCP



Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018 có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, trong đó quy định về thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đây là một chế định mới được quy định trong Luật PCTN năm 2018 trên cơ sở tập hợp và hệ thống hóa một số nhóm quy định của Luật PCTN năm 2005, Luật Doanh nghiệp, Luật Cán bộ, công chức và có chỉnh lý để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 21 Luật PCTN quy định: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mình quản lý. Theo quy định này, Thanh tra Chính phủ phải ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu của Luật PCTN năm 2018.



Sự cần thiết ban hành và vai trò của Bộ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra

Thanh tra có một vị trí đặc biệt quan trọng trong quản lý Nhà nước, trong hoạt động đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Thanh tra mang tính quyền lực Nhà nước, gắn liền với quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu và phục vụ mục tiêu quản lý Nhà nước và hoạt động khách quan, được thể hiện qua các nhiệm vụ: Quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan hành chính trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Trực tiếp thực hiện các hoạt động thanh tra. Điều 20 Luật PCTN có quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn *bao gồm các chuẩn mực xử sự là những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm đảm bảo liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ*. Mỗi cơ quan, ngành, lĩnh vực có mục đích và nguyên tắc hoạt động riêng và do đó có cách thức khác nhau khi thiết kế bộ quy tắc ứng xử. Tuy vậy, nhìn chung các bộ quy tắc ứng xử thường đặt trọng tâm vào những vấn đề thuộc về đạo đức và trách nhiệm xã hội, đồng thời chỉ ra cách áp dụng chúng đối với các cá nhân. Với vị trí, vai trò, nhiệm vụ của cơ quan thanh tra nêu trên, các cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra phải tuân thủ những việc phải làm hoặc không được làm phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp thanh tra của mình nhằm đảm bảo liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ.

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra (sau đây gọi tắt là công chức, viên chức thanh tra) trước hết chính là những quy định về chuẩn

mục đạo đức của đội ngũ công chức, viên chức Nhà nước. Bởi lẽ, công chức, viên chức thanh tra cũng chỉ là một trong số các ngạch công chức, viên chức. Đội ngũ công chức thanh tra cũng chịu sự điều chỉnh chung của các văn bản quy phạm pháp luật chung về cán bộ, công chức, viên chức như Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, do tính chất đặc thù trong tổ chức và hoạt động của ngành Thanh tra, dưới góc độ pháp lý, đội ngũ công chức, viên chức thanh tra còn chịu sự điều chỉnh về hành vi đạo đức, văn hóa trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp về tổ chức và hoạt động của ngành Thanh tra, đó là Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật PCTN.

Có thể khái quát, quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra là những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, là một hệ thống những chuẩn mực, nguyên tắc, tiêu chuẩn, khuôn phép, quy định về đạo đức công vụ, ứng xử trong mối quan hệ giữa người tham gia vào hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, ứng xử trong mối quan hệ xã hội.

Vai trò của việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra có thể thấy như sau:

Thứ nhất, quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra được sử dụng như một công cụ để hướng dẫn các công chức, viên chức thanh tra khi ứng xử trong công việc chung, trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Người sử dụng có thể coi nó là tài liệu tham chiếu và chỉ dẫn có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động ra quyết định hằng ngày của họ. Bộ quy tắc ứng xử tạo

ra một hệ thống các hướng dẫn hành động, quan điểm ứng xử thống nhất cho tất cả công chức, viên chức thanh tra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Các công chức, viên chức thanh tra phải nắm được những nội dung chuẩn mực ứng xử liên quan đến vị trí việc làm của mình để có thể thực hiện đúng đắn, hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ, xây dựng các cơ quan thanh tra, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thanh tra chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương, liêm chính.

Thứ hai, việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra nhằm góp phần PCTN, phòng ngừa xung đột lợi ích. Trong hoạt động thanh tra, trong mối quan hệ với đối tượng thanh tra và những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, những người làm nhiệm vụ thanh tra có nhiều quyền lực. Nếu không có những chuẩn mực ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp để làm căn cứ đối chiếu làm theo, điều chỉnh hành vi của mình thì rất dễ dẫn đến có những hành vi lạm quyền, lạm quyền, lợi dụng quyền lực để vụ lợi hoặc quan liêu, hách dịch thiếu trách nhiệm làm ảnh hưởng đến đối tượng thanh tra và kết quả thanh tra. Hơn nữa trong thực hiện nhiệm vụ thường có nhiều tác động, nhất là những tác động tiêu cực từ người thân dẫn đến xung đột lợi ích, cần phải có những chuẩn mực để điều chỉnh.

Thứ ba, việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra góp phần xây dựng văn hóa công vụ. Trong một nền công vụ, quy tắc ứng xử chỉ là một trong các nội dung, nhưng nó lại có vai trò giúp hình thành nên nền tảng đạo đức, văn hóa công vụ. Mục đích đầu tiên của một bộ quy tắc đạo đức là cung cấp cho tổ chức một cột mốc làm chuẩn để



thiết lập nên những giá trị và hành vi đạo đức như mong đợi, từ đó hình thành một cơ chế theo dõi, báo cáo về những hành vi lệch chuẩn.

Thứ tư, quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra là một cách thức công khai để các cơ quan thanh tra thể hiện họ hoạt động theo giá trị và chuẩn mực nào. Một bộ quy tắc được thiết kế và soạn thảo tốt có thể được sử dụng như một công cụ giao tiếp và công cụ này phản ánh về những giá trị mà cơ quan thanh tra coi trọng nhất. Bộ quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra là công cụ tạo nên một bản sắc riêng, tích cực cho chính cơ quan thanh tra. Bản sắc riêng, tích cực này có thể giúp cơ quan thanh tra tạo được sự tự tin, đồng thời thu hút được sự ủng hộ của các bên liên quan.

Như vậy, quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra, với tư cách là một công cụ quản lý, được sử dụng rộng rãi trong cơ quan thanh tra. Chính phủ nhiều nước và nhiều tổ chức công đã đưa ra những bộ quy tắc ứng xử để hướng dẫn hành vi của công chức. Điều này không chỉ chứng tỏ tính phổ biến của bộ quy tắc ứng xử mà còn cho thấy niềm tin lớn vào tác dụng và vai trò của nó đối với việc bảo đảm đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra

Nhằm thực hiện Luật PCTN năm 2005, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1860/QĐ-TTCP ngày 6/9/2007 quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra. Theo quy định này, cán bộ thanh tra phải tuân thủ những quy định về ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của mình. Bên cạnh việc tuân thủ quy định cụ thể tại Quyết định số 1860/QĐ-TTCP, công chức, viên chức thanh tra phải tuân theo những quy định chuẩn mực đạo đức được

quy định ở Hiến pháp, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức theo quy định về xây dựng văn hóa công vụ của cán bộ, công chức nói chung (theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ).

Cùng với Quyết định số 1860/2007/QĐ-TTCP-TCCB ngày 06/9/2007 (gọi tắt là Quyết định số 1860), Thanh tra Chính phủ trọng để thể chế hóa các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức thanh tra như Quy chế Văn hóa công sở của Thanh tra Chính phủ (ban hành theo Quyết định số 1133/QĐ-TTCP ngày 18/6/2008 của Tổng Thanh tra); Nội quy làm việc của cơ quan Thanh tra Chính phủ (ban hành theo Quyết định số 1132/QĐ-TTCP ngày 18/6/2008 của Tổng Thanh tra), Quyết định số 1821-QĐ/BCSĐ ngày 30/12/2011 của Ban Cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ quy định chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngành Thanh tra...

Trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bên cạnh những quy định cụ thể tại các văn bản trên, nhiều văn bản pháp luật khác có quy định về ứng xử trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo như Luật Thanh tra năm 2010, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra. Ngoài ra, một số bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành quy định riêng về quy tắc ứng xử cho cán bộ, công chức thanh tra bộ, ngành, địa phương mình.

Trong thực hiện nhiệm vụ PCTN: Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật PCTN, trong đó có quy định

cụ thể về ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ PCTN. Quy tắc ứng xử này áp dụng với tất cả những người có chức vụ, quyền hạn (theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Luật, trong đó bao gồm cán bộ, công chức, viên chức). Do vậy, các cán bộ, công chức, viên chức ngành Thanh tra cũng phải tuân thủ các quy định này. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP bao gồm một số nội dung: Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, các quy định về tặng quà và nhận quà tặng; kiểm soát xung đột lợi ích. Các quy định này giúp xây dựng và đảm bảo liêm chính trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và là trụ cột để ngăn ngừa tham nhũng.

Thực tiễn thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra

Để đánh giá toàn diện việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra trong phạm vi cả nước, ngày 05/5/2020, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Văn bản số 662/TTCP-PC đề nghị thanh tra các bộ, ngành, địa phương báo cáo về việc thực hiện quy tắc ứng xử. Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, sau khi quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra được ban hành, 100% thanh tra các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của quy tắc ứng xử tới toàn thể các cán bộ, công chức, người lao động nhằm đảm bảo thực hiện tốt quy tắc. Đồng thời, thanh tra các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định cụ thể quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức thanh tra tại cơ quan, đơn vị mình và nhiều văn bản hướng dẫn khác.

Có thể khái quát một số kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định chung của cán bộ, công chức ngành Thanh tra trong thời gian qua như sau:



Một là, việc thực hiện quy định chung về quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra cơ bản được tuân thủ. Hầu hết cán bộ thanh tra đã có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật và chấp hành sự phân công của tổ chức. Nhận định chung cho thấy: “Điều tiếng, dư luận xấu về cán bộ thanh tra đã giảm nhiều so với trước đây. Điều này, chứng tỏ công tác cán bộ trong toàn ngành đã chấn chỉnh đạt kết quả tốt. Phần lớn cán bộ thanh tra đã nghiêm túc làm gương trong đấu tranh PCTN, thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cơ quan, của đoàn thanh tra, của trường đoàn thanh tra, từng bước góp phần nâng cao uy tín của toàn ngành”^(*).

Hai là, mối quan hệ ứng xử nghề nghiệp giữa cán bộ thanh tra với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác đã có nhiều cải thiện. Mối quan hệ trong hoạt động của cán bộ thanh tra khá đặc thù vì liên quan đến quyền, lợi ích của nhiều đối tượng và trách nhiệm của nhiều bên. Cán bộ thanh tra đã ý thức thực hiện trách nhiệm công vụ với tư cách là đại diện ngành Thanh tra, vừa đại diện cho cơ quan Nhà nước vừa là công bộc của dân.

Ba là, ứng xử với cơ quan thông tin, báo chí, ứng xử với tổ chức, cá nhân nước ngoài, ứng xử trong gia đình, ứng xử nơi công cộng đã được công chức, viên chức thanh tra chấp hành nghiêm túc theo quy định của pháp luật, không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tạo thanh thế khi tham gia các hoạt động xã hội hay tham gia, tiếp tay, bao che cho hành vi vi phạm pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra cũng có những mặt hạn chế. Một số công chức, viên chức thanh tra không chấp hành nghiêm quy tắc ứng xử, các quy định, quy chế của ngành Thanh tra, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật

của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành. Trong thời gian qua, một số vụ việc tiêu cực, vi phạm pháp luật, tham nhũng của đoàn thanh tra đã xảy ra, được báo chí phản ánh và dư luận quan tâm, điển hình như vụ việc đoàn thanh tra Bộ Xây dựng nhận hối lộ và một số trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử tại tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình, Hải Phòng, Bạc Liêu, Quảng Ninh...

Hơn nữa, Quyết định số 1860 được ban hành từ năm 2007, nên có nhiều nội dung không còn phù hợp với Luật PCTN năm 2018, Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, vì vậy, đặt ra yêu cầu cần phải sửa đổi, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tế.

Kiến nghị, đề xuất hoàn thiện quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra

Trước hết, về hình thức văn bản: Với vị trí, vai trò của bộ quy tắc ứng xử và nhằm điều chỉnh đối với người có chức vụ, quyền hạn trong ngành Thanh tra, lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, Tổng Thanh tra Chính phủ cần ban hành quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật - đó là thông tư.

Về nội dung, quy tắc ứng xử phải bao quát đầy đủ các nội dung mà công chức, viên chức thanh tra phải thực hiện và không thực hiện. Nội dung dự thảo thông tư cần được thể hiện theo các nội dung cơ bản như quy tắc ứng xử chung và quy tắc ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, PCTN. Đối với quy định các chuẩn mực ứng xử trong quan hệ xã hội như ứng xử nơi công cộng, ứng xử nơi cư trú, ứng xử trong gia đình, ứng xử với cơ quan, tổ chức có quan hệ công tác và cơ quan thông tin, báo chí,

ứng xử với tổ chức, cá nhân nước ngoài có thể cần nhắc không quy định trong dự thảo thông tư này. Trước đây Quyết định số 1860 cũng đã quy định cụ thể về những vấn đề này. Tuy nhiên, hiện nay, bên cạnh quy định về quy tắc ứng xử thì mỗi cơ quan, đơn vị đều có những quy định thể chế hóa các chuẩn mực ứng xử trong quan hệ xã hội như các quy định về văn hóa công sở, nội quy làm việc, chuẩn mực đạo đức...

Bên cạnh đó, các bộ, ngành cũng ban hành quy định về quy tắc ứng xử trong ngành, lĩnh vực, cơ quan mình. Đối với địa phương, Bộ Nội vụ ban hành bộ quy tắc ứng xử áp dụng cho bộ máy chính quyền địa phương. Chính vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo và đáp ứng đúng yêu cầu của Luật PCTN, dự thảo thông tư chỉ tập trung quy định quy tắc ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ nói chung và ứng xử trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Còn các quy định về chuẩn mực ứng xử trong quan hệ xã hội sẽ được thực hiện theo các quy định của ngành, lĩnh vực, cơ quan hoặc của Bộ Nội vụ.

Đặc biệt, khi thông tư quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức thanh tra được ban hành, cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt các quy định này cho công chức, viên chức thanh tra, đưa nội dung quy tắc ứng xử vào chương trình đào tạo cán bộ cũng như các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho công chức, viên chức thanh tra. Cần tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực thi công vụ để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm quy định về quy tắc ứng xử./.

Chú thích:

() Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến tổng kết ngành Thanh tra năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019.*



Bàn về thực hiện quyền cung cấp tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm thông qua hoạt động thanh tra

 **Ths. Nguyễn Thị Hạnh**

Giảng viên, Khoa QLNN và PCTN, Trường Cán bộ Thanh tra



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Theo quy định tại Điều 48, Điều 55 Luật Thanh tra năm 2010, thì người ra quyết định thanh tra có quyền chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm, đồng thời thông báo bằng văn bản cho viện kiểm sát cùng cấp biết. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thực hiện quyền nói trên vẫn còn nhiều lúng túng trong quá trình áp dụng nên chưa mang lại hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là một số tội phạm xâm

phạm trật tự quản lý kinh tế và tội phạm về chức vụ.

Qua nghiên cứu các quy định pháp luật về việc thực hiện quyền cung cấp tin báo có dấu hiệu tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, tác giả đề xuất các bước phải thực hiện khi chuyển hồ sơ vụ việc, kiến nghị, khởi tố sang cơ quan điều tra như sau:

Bước 1: Xác định hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm

Theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017

thì: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này



phải bị xử lý hình sự”. Như vậy, để nhận diện một hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm hay không thì hành vi đó phải thỏa mãn đủ 4 dấu hiệu sau:

- Hành vi vi phạm pháp luật đó phải có tính nguy hiểm cho xã hội;
- Hành vi vi phạm pháp luật phải được thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý (có lỗi);
- Hành vi vi phạm pháp luật trái pháp luật hình sự;
- Hành vi vi phạm đó phải chịu hình phạt.

Nếu như, một hành vi vi phạm pháp luật không thỏa mãn dấu hiệu nêu trên thì hành vi vi phạm pháp luật đó chưa có dấu hiệu tội phạm mà có thể nó sẽ có dấu hiệu của vi phạm pháp luật khác.

Ngoài ra, khi phát hiện được hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm phải xem xét thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 27, 28 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bước 2: Xác định thẩm quyền chuyển hồ sơ vụ việc, kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong hoạt động thanh tra

Căn cứ vào điểm o, khoản 1, Điều 48 và điểm n, khoản 1, Điều 55 Luật Thanh tra năm 2010 thì người ra quyết định thanh tra có quyền chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật sang cơ quan điều tra khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm, đồng thời thông báo bằng văn bản cho viện kiểm sát cùng cấp biết. Như vậy, trong quá trình thực hiện hoạt động thanh tra nếu thành viên đoàn thanh tra phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm sẽ báo cáo trưởng đoàn thanh tra, trên cơ sở đó trưởng đoàn báo cáo người ra quyết định thanh tra kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Bước ba: Xác định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiến nghị khởi tố

Theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSNDTC-

BCA-BTP-TTCP ngày 18/10/2018 quy định về phối hợp giữa cơ quan điều tra, viện kiểm sát, cơ quan thanh tra trong việc trao đổi thông tin về tội phạm và giải quyết kiến nghị khởi tố được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra (gọi là TT03) thì cơ quan điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ vụ việc và kiến nghị khởi tố do cơ quan thanh tra chuyển đến.

Mặt khác, tại Điều 163 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì thẩm quyền điều tra hình sự bao gồm: Cơ quan điều tra của Công an nhân dân; Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân; Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao; Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát quân sự Trung ương; cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự mà tội phạm xảy ra trên địa phận của mình.

Theo đó, việc phân cấp thẩm quyền điều tra như sau:

Cơ quan điều tra của Công an nhân dân điều tra tất cả các tội phạm, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân điều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự. Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát quân sự Trung ương điều tra tội phạm về chức vụ, tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của Bộ luật Hình sự xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc cơ quan điều tra, tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp. Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự mà tội phạm xảy ra trên địa phận của mình. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được địa điểm xảy ra tội phạm thì việc điều tra thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cư trú hoặc bị bắt.

Cơ quan điều tra cấp huyện, cơ quan điều tra quân sự khu vực điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp huyện, tòa án quân sự khu vực; cơ quan điều tra cấp tỉnh điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra cấp huyện xảy ra trên địa bàn nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phạm tội có tổ chức hoặc có yếu tố nước ngoài nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự cấp quân khu hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra cấp khu vực nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra; Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng điều tra vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hủy để điều tra lại; vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Với việc quy định thẩm quyền của cơ quan điều tra dưới cách thức dẫn chiếu bằng việc quy định thẩm quyền xét xử của tòa án gây khó khăn cho việc áp dụng các quy định pháp luật một cách chính xác và hiệu quả. Tuy nhiên, trong trường hợp chưa xác định rõ thẩm quyền điều tra thì chuyển ngay cho cơ quan điều tra cùng cấp, đồng thời, thông báo bằng văn bản cho viện kiểm sát cùng cấp⁽¹⁾.

Bước 4: Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra

Trong quá trình thanh tra hoặc sau 5 ngày làm việc kể từ ngày ký kết luận thanh tra mà phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người ra quyết định thanh



tra chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra.

Hồ sơ vụ việc bao gồm: Văn bản kiến nghị khởi tố vụ án hình sự của cơ quan thanh tra; quyết định thanh tra; biên bản, tài liệu xác minh sự việc; báo cáo giải trình của đối tượng thanh tra; báo cáo của trưởng đoàn thanh tra về vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm của đối tượng thanh tra; kết luận thanh tra trong trường hợp đã kết thúc cuộc thanh tra; tài liệu khác có liên quan; bản kê các tài liệu trong hồ sơ. Tài liệu trong hồ sơ kiến nghị khởi tố là bản gốc, nếu tài liệu là bản sao thì có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc đóng dấu xác nhận sao y của cơ quan thanh tra. Việc giao nhận phải lập biên bản và được tiến hành tại cơ quan điều tra hoặc cơ quan thanh tra.

Đối với vụ việc vi phạm pháp luật có nhiều tình tiết phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nếu xét thấy cần thiết thì trước khi chính thức kết luận thanh tra và kiến nghị khởi tố, cơ quan thanh tra tổ chức họp lãnh đạo liên ngành gồm cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra, viện kiểm sát cùng cấp để phân tích, đánh giá những tài liệu đã thu thập được. Trường hợp liên ngành thống nhất xác định vụ việc đã rõ dấu hiệu tội phạm thì cơ quan thanh tra có văn bản kiến nghị khởi tố và chuyển ngay cho cơ quan điều tra có thẩm quyền kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự.

Việc lựa chọn hình thức cung cấp nguồn tin tội phạm cho cơ quan điều tra dưới dạng tin báo tội phạm hay kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm cũng là một trong những nội dung quan trọng vì vậy cần phải phân biệt hai nguồn tin này.

Theo quy định tại Điều 144 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì: “Tin báo về tội phạm” là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng. Còn “kiến nghị khởi



Ảnh: Trần Chính

tố” là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiến nghị bằng văn bản và gửi kèm theo chứng cứ, tài liệu liên quan cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm.⁽²⁾

Tin báo tội phạm của cá nhân, cơ quan tổ chức và kiến nghị khởi tố của cơ quan tổ chức có thẩm quyền đều là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ xem xét có hay không dấu hiệu tội phạm để khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, giữa hai hình thức này có những điểm khác nhau: Thứ nhất, về mặt chủ thể thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền thông tin vụ việc có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền, còn chủ thể thực hiện kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ có cơ quan, tổ chức. Thứ hai, về hình thức thực hiện thì việc cung cấp tin báo về hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm có thể bằng lời hoặc bằng văn bản, còn hình thức kiến nghị khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm phải được thực hiện bằng văn bản.

Bước 5: Theo dõi vụ việc

Sau khi chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra thì người ra quyết định thanh tra có quyền theo dõi vụ việc cho đến khi vụ việc kết thúc.

Khi hết thời hạn xem xét giải quyết kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, cơ quan thanh tra đã kiến nghị khởi tố không nhận được thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết kiến nghị khởi tố của cơ quan điều tra thì trao đổi với cơ quan điều tra, viện kiểm sát cùng cấp để làm rõ lý do. Nếu thấy cần thiết thì kiến nghị với cơ quan điều tra, viện kiểm sát cấp trên xem xét, giải quyết.

Trường hợp cơ quan thanh tra đã kiến nghị khởi tố không đồng ý với quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự của viện kiểm sát thì cơ quan thanh tra trao đổi với cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền để làm rõ lý do. Nếu thấy cần thiết thì kiến nghị đến viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Nếu Thanh tra Chính phủ kiến nghị thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao xem xét, giải quyết; Thanh tra Bộ Quốc phòng kiến nghị thì Viện trưởng Viện Kiểm sát quân sự Trung ương xem xét, giải quyết./

Chú thích:

(1) Khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BTP-TTCP ngày 18/10/2018;

(2) Khoản 2, 3 Điều 144 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.



Hoàn thiện pháp luật

về “giải trình” trong xử lý vi phạm hành chính

 Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệm

Cục QLTT tỉnh Đồng Nai



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Quý định về quyền giải trình của người vi phạm theo Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) năm 2012 là một biện pháp nhằm cụ thể hóa nguyên tắc cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung

phân tích về giải trình nói chung, một số hạn chế, bất cập và giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật “giải trình” trong xử phạt vi phạm hành chính (XPVPHC) nói riêng.

Theo Đại từ điển tiếng Việt, giải trình là giải thích cặn kẽ, thuyết minh rõ ràng, hợp lý một vấn đề cần trình bày⁽¹⁾.

Khoản 1, Điều 15 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình như sau: *Cơ quan,*

tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó. Người thực hiện trách nhiệm giải trình là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người được phân công, người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện trách nhiệm giải trình.



Còn theo khoản 8, Điều 2 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 thì giải trình là việc cơ quan, cá nhân hữu quan giải thích, làm rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo yêu cầu của chủ thể giám sát quy định tại Luật này.

Khoản 1, Điều 3 của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/08/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao cũng đưa ra khái niệm về giải trình như sau: *Giải trình là việc cơ quan Nhà nước cung cấp, giải thích, làm rõ các thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đó.* Quan niệm này về trách nhiệm giải trình còn khá hạn hẹp và chủ yếu dựa vào những mối quan hệ trực tiếp với công chúng của cơ quan công quyền (trách nhiệm giải trình hành chính).

Như vậy, có thể hiểu giải trình là việc tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo, giải thích, trả lời một cách chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch về các công việc được người có thẩm quyền ủy nhiệm, giao phó theo quy định pháp luật.

Hiện nay, Luật XLVPHC năm 2012 đã quy định về quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm và trách nhiệm của cơ quan tiến hành xử phạt trong việc xem xét ý kiến giải trình của người vi phạm trước khi ra quyết định xử phạt. Điều này góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng bị xử phạt, bảo đảm việc XPVPHC được thực hiện khách quan, minh bạch và dân chủ, đúng quy định pháp luật, tránh tình trạng áp đặt của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt khi tiến hành xử phạt, phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp Việt Nam ghi nhận.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quy định pháp luật về giải trình trong

quá trình XPVPHC còn có những hạn chế, bất cập, cụ thể là:

Thứ nhất, Luật XLVPHC năm 2012 chưa có những quy định cụ thể về nội dung giải trình, điều kiện tiếp nhận yêu cầu giải trình, những trường hợp được từ chối yêu cầu giải trình, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện giải trình, quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giải trình, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trách nhiệm giải trình. Trong khi đó, ở lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, pháp luật lại quy định rất cụ thể về các nội dung này.

Thứ hai, Luật XLVPHC năm 2012 chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình nhưng lại không có yêu cầu giải trình, đồng thời, chưa có sự thống nhất trong quy định về thời hạn thực hiện quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

Nội dung này không rõ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau như sau:

Với quy định trên có thể hiểu: Đối với các vụ việc không thực hiện quyền giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính⁽²⁾. Vì theo quy định tại khoản 1, Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012, trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và 3, Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012 thì người có thẩm quyền xử phạt không phải xem xét ý kiến của cá nhân, tổ chức vi phạm trước khi ban hành quyết định XPVPHC.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1, Điều 66 Luật XLVPHC năm 2012 “*người có thẩm quyền XPVPHC phải ra quyết định XPVPHC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo*

quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản”. Căn cứ các quy định này của Luật XLVPHC, đối với các vụ việc đơn giản, không có tình tiết phức tạp hoặc các vụ việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Với quy định trên cũng có thể hiểu: Đối với các vụ việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt không nhất thiết phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Thời hạn ra quyết định xử phạt trong trường hợp này tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình, thực hiện theo các hình thức và trong thời hạn do pháp luật quy định để bảo đảm thực hiện quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm (không đặt ra vấn đề cá nhân, tổ chức vi phạm có thực hiện hay không thực hiện quyền giải trình của mình), thì thời hạn ra quyết định XPVPHC tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Việc cá nhân, tổ chức vi phạm không thực hiện quyền giải trình trong thời hạn quy định chỉ có ý nghĩa là người có thẩm quyền xử phạt không có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình. Mặt khác, Điều 61 và 66 của Luật XLVPHC năm 2012 cũng không quy định đối với các vụ việc không thực hiện quyền giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Ngoài ra, quy định về thời hạn thực hiện quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chưa có sự thống nhất, cụ thể: Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, thời hạn cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền XPVPHC được tính theo “ngày” (trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính)⁽³⁾. Điều này có



nghĩa là thời hạn được tính theo ngày dương lịch và được hiểu chung là bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định từ Điều 144 đến Điều 148 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong khi đó, đối với trường hợp giải trình trực tiếp, thời hạn cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền XPVPHC được tính theo “ngày làm việc” (trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính)⁽⁴⁾, không bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ.

Thứ ba, biên bản vi phạm hành chính không có nội dung về giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Thực tiễn một số trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 1, Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012 mà người có thẩm quyền khi lập biên bản vi phạm hành chính, trong biên bản không có nội dung về giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm. Tuy nhiên, theo khoản 2, Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: *Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản, họ, tên, chức vụ người lập biên bản, họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm, hành vi vi phạm, biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý, tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ, lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ, quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm, cơ quan tiếp nhận giải trình.* Điều này dẫn đến cá nhân, tổ chức vi phạm không biết về quyền giải trình của mình nên không thực hiện quyền giải trình theo quy định, trong khi đó, người có thẩm quyền xử phạt vẫn ban hành quyết định xử phạt. Đây là những trường hợp thực hiện

không đúng quy định về trình tự, thủ tục XPVPHC. Nhiều trường hợp người đã ban hành quyết định xử phạt phải hủy bỏ quyết định XPVPHC, đồng thời ban hành hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định XPVPHC mới.

Những hạn chế, bất cập nêu trên do một số nguyên nhân như: Một số quy định của pháp luật về giải trình trong quá trình XPVPHC chưa đầy đủ, chưa cụ thể. Nhận thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ, công chức về XLVPHC nói chung và XPVPHC nói riêng, trong đó có các quy định pháp luật về quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm còn hạn chế. Trình độ dân trí, hiểu biết pháp luật nói chung, hiểu biết về quyền được giải trình trong quá trình XPVPHC của một số cá nhân, tổ chức vi phạm còn thấp. Đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện các sai phạm trong công tác XPVPHC chưa được kịp thời và thường xuyên.

Từ những hạn chế nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về “giải trình” trong XPVPHC như sau:

Một là, Luật XLVPHC trong thời gian tới cần bổ sung các quy định về nội dung giải trình, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện trách nhiệm giải trình, quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giải trình, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện trách nhiệm giải trình (trong đó, nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền khi nhận được yêu cầu giải trình bằng văn bản: Trong thời hạn bao lâu người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo cho người giải trình về việc tiếp nhận giải trình hoặc từ chối giải trình và nêu rõ lý do).

Đồng thời, quy định cụ thể thời hạn giải quyết đối với trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thực hiện quyền giải trình nhằm thống nhất quy định để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau,

thống nhất thời hạn thực hiện quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm theo ngày làm việc.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ công chức làm công tác XPVPHC, cá nhân, tổ chức có liên quan nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác xử phạt, trong đó có các quy định pháp luật về giải trình, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực XLVPHC nói riêng.

Ba là, tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về XPVPHC cho đội ngũ công chức, người thi hành công vụ, qua đó, nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trong việc thực hiện pháp luật về XPVPHC (trong đó có các quy định của Luật XLVPHC về giải trình), bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, tính chính xác, thống nhất trong áp dụng pháp luật của người có thẩm quyền. Đặc biệt, thực hiện tốt đề án vị trí việc làm, bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ XPVPHC phải có kiến thức chuyên sâu pháp luật để việc thực hiện đạt hiệu quả cao, giảm thiểu sai sót trong XPVPHC.

Bốn là, tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về XPVPHC, đặc biệt là triển khai có hiệu quả Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về XLVPHC nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức vi phạm, trong đó có quyền giải trình theo quy định của pháp luật, từng bước đưa công tác này đi vào nền nếp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng./.

Chú thích:

(1) Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội - 1998, trang 727;*
(2), (3), (4) *Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 66; Luật XLVPHC năm 2012.*



Quá trình hình thành, phát triển

tổ chức thanh tra chuyên ngành thuế tại Việt Nam

Nguyễn Hoàng Long



Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, là công cụ quan trọng trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế và thực hiện các mục tiêu khác. Quản lý thuế là hoạt động quản lý chuyên ngành, trong đó công tác thanh tra thuế là nội dung trọng tâm. Thanh tra thuế quyết định bảo đảm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế và thực hiện kiểm soát, điều tiết các hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Tổ chức thanh tra thuế có ảnh hưởng chi phối đến hiệu quả của quản lý thuế. Tổ

chức bộ máy khoa học, sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng sẽ tác động tích cực đến sự phát triển của hoạt động thanh tra thuế Việt Nam. Ngược lại, tổ chức bộ máy thanh tra thuế không thường xuyên củng cố, hoàn thiện thì tất yếu chất lượng thanh tra thuế không đảm bảo. Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức thanh tra thuế, trong thời gian qua, cơ quan thuế luôn nỗ lực quyết tâm tinh gọn bộ máy, đảm bảo quản lý thuế hiệu lực và hiệu quả.

Điều 3, Chương 1, Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 quy định: “Thuế là một khoản nộp ngân sách Nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế”.

Thanh tra thuế là hoạt động giám sát, xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan thuế đối với các hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế, nhằm bảo đảm pháp luật thuế được thực thi nghiêm chỉnh trong đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế đồng thời đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật. Tổ chức thanh tra chuyên ngành thuế là hệ thống các cơ quan quản lý thuế với các quy định về chức năng, nhiệm vụ chặt chẽ, có sự chỉ huy, phối hợp thống nhất nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thanh tra chuyên ngành thuế.



Giai đoạn trước năm 2004:

Sau ngày đất nước thống nhất, hệ thống các cơ quan thanh tra đã được thiết lập trong cả nước. Cụ thể bao gồm hệ thống cơ quan thanh tra chuyên trách của Nhà nước; Ủy ban Thanh tra của Chính phủ; ban thanh tra các bộ, ngành quản lý tổng hợp, sản xuất và sự nghiệp quan trọng ở trung ương và địa phương; ủy ban thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ủy ban thanh tra huyện, quận và tương đương. Hệ thống không chuyên trách là các ban thanh tra Nhân dân được xây dựng ở các đơn vị hành chính, sự nghiệp, kinh tế trong cả nước theo Quyết định số 25/TTg ngày 9/1/1976 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 15/02/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 26/HĐBT về việc tăng cường tổ chức thanh tra và nâng cao hiệu quả thanh tra. Ủy ban Thanh tra Chính phủ được đổi tên thành Ủy ban Thanh tra Nhà nước Trung ương. Tổ chức thanh tra được quy định như sau: “Hệ thống thanh tra các cấp gồm Ủy ban Thanh tra Nhà nước Trung ương; ủy ban Thanh tra Nhà nước cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương; ban thanh tra Nhân dân cấp cơ sở. Đó là một hệ thống được quản lý và chỉ đạo tập trung, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở”.

Ngày 01/4/1990, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước công bố ban hành Pháp lệnh Thanh tra (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 1990). Hệ thống tổ chức của Thanh tra Nhà nước được xây dựng một cách hoàn chỉnh từ trên xuống dưới gồm: “Thanh tra Nhà nước; thanh tra bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng; thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương; thanh tra sở; thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Chức năng thanh tra Nhà nước ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cùng cấp trực tiếp đảm nhiệm” (Điều 3). Mặt khác trong Pháp lệnh Thanh tra 1990 chưa đề cập đến tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành. Loại hình tổ chức này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao cho Chính phủ quy định chi tiết ở một lĩnh vực cụ thể.

Đến đây, tổ chức và hoạt động của thanh tra đã có bước phát triển mới. Về cơ bản hệ thống thanh tra được xây dựng và hoạt động ở tất cả các bộ, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương. Với đặc điểm tổ chức theo cách thức “song trùng trực thuộc” chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của hai cơ quan: Cơ quan thanh tra cấp trên và cơ quan quản lý cùng cấp. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của hệ thống thanh tra còn chồng chéo, dàn trải, chức năng, nhiệm vụ chưa rõ ràng, chồng chéo, việc thực hiện quyền hạn của các tổ chức thanh tra còn gặp nhiều khó khăn.

Giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2010:

Tổ chức của Thanh tra Nhà nước theo Luật Thanh tra 2004, cụ thể:

- Cơ quan thanh tra là các cơ quan thuộc cơ quan quản lý hành chính Nhà nước cùng cấp, do đó, cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp cơ quan và thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Một trong những chức năng cơ bản của cơ quan thanh tra Nhà nước là thực hiện hoạt động thanh tra. Thanh tra Nhà nước là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan quản lý Nhà nước đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự quản lý theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.

- Các cơ quan thanh tra được chia thành hai loại: (i) Thanh tra hành chính được tổ chức theo đơn vị hành chính (Thanh tra Chính phủ, thanh tra tỉnh, thanh tra huyện); (ii) Thanh tra ngành, lĩnh vực được tổ chức ở những cơ quan theo ngành, lĩnh vực chuyên môn (thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, thanh tra sở).

Như vậy, pháp luật thanh tra thiết lập mô hình tổ chức thanh tra, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

thanh tra phù hợp với cơ quan quản lý. Đồng thời, Luật Thanh tra bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan thanh tra bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước, của người có trách nhiệm khi thi hành công vụ và đảm bảo sự kiểm soát đối với ngành, lĩnh vực.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Ngày 15/11/2010, Luật Thanh tra mới ra đời - là cơ sở pháp lý kiện toàn tổ chức và hoạt động của thanh tra Nhà nước nói chung và thanh tra chuyên ngành nói riêng.

Luật Thanh tra 2010 đã bổ sung thêm quy định về chức năng giúp cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý Nhà nước về phòng, chống tham nhũng. Đây là một nội dung rất quan trọng vì phòng chống tham nhũng đã được xác định là một trong những công tác trọng tâm của Chính phủ và các cấp chính quyền trong những năm gần đây, nhưng chưa được đề cập đến trong các văn bản pháp luật.

Luật Thanh tra 2010 giải thích cách hiểu về: Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra, cơ quan thực hiện thanh tra chuyên ngành, người được giao thực hiện thanh tra chuyên ngành. Ngoài ra 2 khái niệm cơ bản “thanh tra hành chính” và “thanh tra chuyên ngành” được chỉnh sửa làm cơ sở để có thể phân biệt rõ hai hoạt động này cũng chi phối đến việc quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng loại hình cơ quan thanh tra.

Bên cạnh hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước (Thanh tra Chính phủ, thanh tra bộ, thanh tra tỉnh, thanh tra sở, thanh tra huyện), Luật Thanh tra 2010 bổ sung thêm quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Đó là các cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực (bao gồm tổng cục, cục thuộc bộ, chi cục thuộc sở). Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành không thành lập



cơ quan thanh tra độc lập mà hoạt động thanh tra chuyên ngành ở cơ quan này do người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thực hiện (là công chức được phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra của cơ quan) theo quy định của Luật này và các quy định pháp luật liên quan. Khi tiến hành thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được xử phạt vi phạm hành chính. Việc giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cho cơ quan quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ sau khi đã thống nhất với bộ trưởng.

Từ khi thành lập Tổng cục Thuế (năm 1990) đến nay, mô hình tổ chức thanh tra thuế có nhiều thay đổi, nhất là sau khi có Luật Thanh tra năm 2010. Theo Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 9/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính, Tổng cục Thuế là cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, được thành lập bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Thanh tra Bộ Tài chính. Thanh tra chuyên ngành thuế (gọi tắt là thanh tra thuế) là cơ quan thuộc hệ thống Thanh tra Tài chính, là tổ chức thuộc cơ quan thuế, thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý Nhà nước của cơ quan thuế. Thông tư số 19/2013/TT-BTC ngày 20/2/2013 của Bộ Tài chính qui định cơ cấu tổ chức, tên gọi bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại tổng cục, cục, chi cục thuế được qui định như sau: Tại Tổng cục Thuế được qui định thành Vụ Thanh tra, tại cục thuế tổ chức thành phòng thanh tra; tại chi cục thuế tổ chức thành đội thanh tra. Đối với các cục thuế theo Quyết định số 49/2007/QĐ-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cục thuế được thành lập từ 1 đến 2 phòng thanh tra (tùy theo quy mô số thu ngân sách của cục), riêng Cục Thuế TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh được biên chế 4 phòng thanh tra thuế. Đối với chi cục thuế: Được thành lập đội thanh tra thuế (hiện nay chưa có chi cục thuế nào thành lập đội thanh tra).

Theo Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ quan Tổng cục Thuế ở Trung ương được tổ chức thành 13 vụ (trong đó có Vụ Thanh tra - Kiểm tra thuế), Văn phòng, Cục Công nghệ Thông tin, Trường Nghiệp vụ Thuế và Tạp chí Thuế; cơ quan thuế ở địa phương: Cục thuế có số thu từ 2.500 tỷ đồng/năm trở lên (không kể thu từ dầu thô và đất) hoặc quản lý 2.000 doanh nghiệp trở lên (trừ Cục Thuế TP Hà Nội và Cục Thuế TP Hồ Chí Minh) được tổ chức không quá 09 phòng thực hiện chức năng tham mưu, quản lý thuế và không quá 05 phòng thanh tra - kiểm tra; cục thuế có số thu dưới 2.500 tỷ đồng/năm (không kể thu từ dầu thô và đất) hoặc quản lý dưới 2.000 doanh nghiệp được tổ chức không quá 08 phòng thực hiện chức năng tham mưu, quản lý thuế và 01 phòng thanh tra - kiểm tra.

Tổ chức thanh tra được thành lập trong hệ thống cơ quan thuế, gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thuế các cấp, được sắp xếp lại theo hướng chuyên môn hoá, số lượng và chất lượng của cán bộ thanh tra ngày càng được nâng cao đã từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý mới./.

BẾN QUÊ

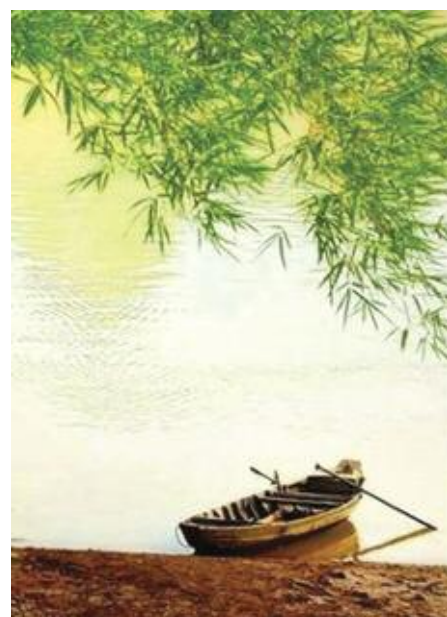
Em có về với bến nước sông quê
Cho anh gửi nỗi niềm theo gió
Kỷ niệm xưa rồi bời trong lá cỏ
Xanh hiền hòa biêng biếc dọc triền sông

Sóng có xô xao chiều tím mênh mông
Trăng sáng ánh khi mái chèo chạm nước
Cánh buồm nâu một thời lưu lạc
Còn nhớ về neo đậu bến bờ xưa

Mẹ chèo đò giữa ngày mưa lưa thưa
Áo nâu sồng vị phù sa dịu ngọt
Đôi vai gầy thảng năm dài khó nhọc
Cho hoa cải vàng man mác tuổi thơ tôi

Em có về với êm ả sông trôi
Cho anh gửi hồn mình theo gió nắng
Lòng thao thức cùng bến quê xa vắng
Em ốc tiếng gà đón đợi bình minh!

Lê Hiếu Trung





Những mùa tựu trường đã xa...

Tôi thường nhớ về những mùa tựu trường đã qua giữa lẫn lộn vui buồn. Ngày tựu trường đầu tiên, tôi như cánh diều lần đầu chao lượn giữa một chân trời mới mẻ. Ngày tựu trường cuối cùng, lòng lại băng khuâng tiếc nuối năm tháng mộng mơ sắp sửa chia xa, nhen nhóm những ước vọng gửi vào trang vở mới. Như một khúc ca tuổi hoa dạt dào trầm bổng, buổi tựu trường dệt vào lòng người bao hoài cảm vẫn vương. Thế rồi sau những nỗi niềm trong veo ấy, là ánh mắt thăm sâu mênh mông hy vọng của cha, cùng bao yêu thương lặng thầm trong dáng mẹ tảo tần.

Trường cấp I của tôi ở đầu làng, nhà tôi ở cuối làng. Đường đến trường bởi thế mà đi qua cánh đồng lúa bông bênh, men theo hàng cau thơm hương kín đáo, rồi đi vào một lối nhỏ lát gạch xanh rêu dưới bóng tre già. Ngày nhỏ, tôi hay chơi thả diều, đuổi bắt cùng đám bạn què ở mảnh đất trống sau trường. Ngôi trường làng có rặng phi lao trước cổng thường ngày vẫn thân thuộc, gần gũi như thế. Nhưng vào buổi sáng đầu tiên đi học, khi đứng trước sân trường nhận nhíp áo trắng quần xanh, chân tôi bỗng ngập ngừng, vừa quen vừa lạ, vừa xốn xang vừa sợ hãi mơ hồ. Buổi sáng sớm hôm đó, mẹ nhẹ nhàng đánh thức tôi dậy, trao cho tôi cuốn tập, cây viết cùng một bộ quần áo mới. Trước khi tắt tả đội nón đi làm ở nhà máy, mẹ dặn tôi cùng bạn đến trường ngoan ngoãn, lễ phép với cô giáo, rồi khẽ ôm tôi vào lòng mà ánh mắt thoáng hiện nỗi buồn. Ngày đầu tiên tới lớp, tôi chỉ đi một mình. Thấy các bạn đều có mẹ nắm tay đến tựu trường, đứa được mẹ vỗ về, đứa bên lén nấp sau áo mẹ, tôi bỗng thấy buồn, một nỗi buồn non nớt, hồn nhiên. Cảm giác giận mẹ chột dăng lên trong tâm hồn trẻ.



trẻ. Sau này nhớ lại thuở ngây ngô ấy, nhớ đầy mắt xót xa của mẹ, tôi chạnh lòng thương mẹ rưng rưng.

Tôi lên cấp II, những mùa tựu trường vẫn vẹn nguyên bao xúc cảm. Háo hức được gặp lại bạn bè sau mấy tháng hè, tự hào vì mình đã lên một lớp mới, lảng lảng khi khoác màu áo trắng tinh khôi. Năm nào tôi cũng học sách của anh chị tôi để lại, những trang sách phẳng phiu, được giữ gìn cẩn thận. Cảm giác đợi chờ, pha lẫn hồi hộp đã nhen nhóm trong tôi từ hôm tôi bao bìa, dán nhãn vở và ghi tên. Ngày tựu trường, tôi nôn nao dậy sớm. Vì nhà gần nên tôi đi bộ đến trường. Cánh đồng lúa chín vàng trước cổng, mùi hương dung dị quyện vào gió thu. Tiếng trống trường điểm từng nhịp vang vọng, ngân lên trong lòng tôi nỗi rạo rức phơi phới. Những cánh hoa me tây cuối mùa nhẹ rơi, khẽ vương trên làn tóc thướt tha của cô bạn ánh mắt trong ngần.

Cấp III, tôi thi đỗ vào trường chuyên của tỉnh. Xa nhà ra thành phố, tôi ở lại ký túc xá của trường, mỗi dịp cuối tuần, nghỉ hè tôi về với bố mẹ. Buổi khai giảng, bố chở

tôi từ nhà đến trường bằng chiếc xe máy cũ. Con đường xa hun hút, gió tạt cay xè đôi mắt, tôi ngồi lặng yên sau lưng bố. Những lúc như thế, lòng lại thương bố quay quắt. Tấm áo bố mặc đã phủ màu thời gian, đôi tay gầy với những đường gân khắc khoải mưa nắng, vẫn vững vàng dù đường đi gập ghềnh, lồi lõm. Tôi bỗng nhớ lại những lúc bú bình, những khi vô tình khiến bố buồn mà lòng day dứt mãi. Xe dừng trước cổng trường, giọng bố trầm đục dặn tôi cố gắng học hành, ân cần trao cho tôi ánh mắt ấm áp niềm hy vọng và tin tưởng. Bố dừng lại một lúc lâu đợi tôi bước qua cổng trường, hòa vào màu áo trắng, rồi mới quay xe về.

Mỗi mùa tựu trường, lật trang vở mới, tôi lại rưng rưng nghĩ về bóng dáng bố mẹ lam lũ từng ngày để tôi được đi học. Nét chữ tôi viết hôm nay không chỉ vương mùi mực, mà tôi còn ngửi thấy cả mùi mồ hôi, mùi sương gió bốn mùa bàng bạc mái tóc bố, khắc khoải khéo mắt mẹ. Tôi bắt đầu bài học đầu tiên về cách sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh của bố mẹ, mà có lẽ tôi sẽ học suốt cả cuộc đời!

Trần Văn Thiên



Chị Miên ơi, cơm em nấu xong rồi, chị cho em hai nghìn đồng em mua bìu đậu làm thức ăn, chị à.

Bạn có thể tin được đó là lời nói của Lợi, cậu em trai út ít ba mươi tuổi của tôi không? Trai ba mươi tuổi đang xoan. Nhưng ngửa tay xin chị gái một nghìn, hai nghìn đồng, bằng giá một gói Bim Bim hay que kem cho trẻ nhỏ!

Nghèo đâu có nghèo đến thế! Nghèo đâu đến mức phải đi xin chị hai nghìn đồng, phải xin bạn từng điều thuốc lào, từng que diêm. Mà ban đầu đâu có đến nỗi ở trong cảnh nghèo khó như thế!

Bố mẹ mất đi, để lại cho ba chị em tôi một căn nhà và một trăm năm mươi mét đất. Sau khi bán căn nhà, chúng tôi chia đều số tài sản ấy làm ba phần. Nay, em trai thứ hai của tôi có một trang trại ở khu vực Ao Vua. Tôi ăn chất để dành, thu vén có được một cửa hàng tạp hoá nho nhỏ. Còn Lợi, cậu em út của tôi, sau những ngày tháng sa đà vào xóc đĩa, tổ tôm, đề đóm, một ngày kia, mò đến nhà tôi với khuôn mặt tiêu tụy của kẻ tuyệt vọng, thều thào và vật vờ: “Chị ơi, em không thiết sống nữa đâu. Nhà cửa, tiền nong của em sạch bách cả rồi!”

Để Lợi ở nhà tôi một tuần cho nó tĩnh trí, tôi mới bắt đầu lân la hỏi chuyện, rồi động viên, khích lệ nó rằng: “Con người ta vào đời có thể vấp ngã đau đớn, nhưng quan trọng là phải biết đứng dậy, tìm ra con

đường đi cho mình. Cậu còn trẻ, cậu cần rút kinh nghiệm, để bắt đầu lại từ đầu và trong việc này chị có thể sẽ giúp cậu được phần nào”.

Xem chừng đã nguôi ngoai, Lợi gãi đầu gãi tai lí nhí nói rằng: “Em xin nghe lời chị. Bây giờ chị cho em vay để có vốn ban đầu được không? Vâng, em chỉ xin vay chị thôi, rồi em sẽ trả cả vốn lẫn lãi cho chị”.

Nghe nó nói, tôi bật cười:

- Thôi được rồi, bây giờ cậu cần bao nhiêu, cần cái gì?

+ Em cần cái cần câu chứ không phải cần con cá.

- Ý nghĩ đáng giá đấy. Nhưng nói cụ thể đi!

+ Em cần một chiếc xích lô!

- Khoảng bao nhiêu tiền?

NGÓN TAY ÚT

 Truyện ngắn của **Ma Văn Kháng**



Minh họa: Phùng Minh



+ Độ sáu trăm ngàn. Có nó làm phương tiện hành nghề, em sẽ kiếm được tiền, nuôi được bản thân và...

- Cưới vợ chứ gì?

+ Vâng, có nó em sẽ đổi đời chị ạ.

Nhìn Lợi đỏ bừng mặt sung sướng, tôi vào nhà đất chiếc xe đạp Eska ra, nói:

- Anh tiếng là thợ bậc cao nhưng ốm đau liên miên, chả kiếm được mấy. Chị một mình nuôi hai cháu nhỏ cũng vất vả lắm. Giờ chị chỉ có chiếc xe đạp này lâu không dùng đến, cậu bán đi, may ra cũng vừa đủ tậu một chiếc xích lô đấy!

Nhận chiếc xe đạp, mặt Lợi sáng bừng. Nhìn nó nhảy phắt lên yên xe, đạp thẳng ra ngõ, hớn hở như đứa trẻ con được quà, lòng dạ tôi thật sự đã trở lại yên bình.

Tiểu thay, chiếc xe đạp nhãn hiệu Eska của Tiệp Khắc mang theo giấc mộng đổi đời của cậu em tôi, vừa ra khỏi ngõ đã biệt vô tăm tích! Nó bị kẻ xấu trộm mất? Nó bị rơi vào tay kẻ cắp? Không! Chiếc xe được ngã giá đúng sáu trăm ngàn đồng. Lợi sung sướng ôm bọc tiền đó như ôm giấc mộng vàng của đời mình. Nhưng đi được ba bước chân, nó đã dừng lại. Đó là cửa nhà mẹ Ngô chủ đề. Và nó đã bước vào. Dục vọng làm giàu chốc lát luôn luôn là chất ma túy gây nghiện làm mê mẩn con người, dẫn họ đi trên một chiếc cầu may rủi chênh vênh mà đa phần là đi đến sự tiêu ma là vậy. Một tiếng bạc để kiếm sự đổi đời thoát cái đã hoá tro tàn tất cả số tiền cậu em tôi vừa cầm chưa ấm bàn tay.

*

Đó là lần thứ nhất. Còn lần thứ hai Lợi đến vô đầu bút tai, nước mắt giàn giụa bày tỏ niềm ân hận xót xa và khẩn nài một lần nữa sự cứu giúp của tôi? Vâng, thương Lợi, và tin tưởng ở sự hối cải của nó, lần này nữa tôi lại cho nó một chiếc xe Honda cũ của chồng tôi. Nhưng, buồn thay, chiếc xe máy đời 81 vào tay nó được ba hôm, tới hôm thứ tư thì có một bức điện từ thị xã Q. đánh về: "Chị Miên, chị đem ngay hai triệu đồng lên thị xã Q. cứu em!"

Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Lần trước nó rơi vào cạm bẫy cờ bạc.

Còn lần này? Lần này nó rơi vào cạm bẫy đàn bà.

Chuyện là thế này, có được chiếc xe máy, Lợi bắt đầu hành nghề xe ôm kiếm sống. Được một tuần, cuộc sống đã vào nhịp. Thì một hôm nó gặp một người phụ nữ. Tán tỉnh, ốm ờ một hồi, người này bảo nó: Chờ em lên thị xã Q. để bố mẹ em xem mặt anh. Lợi hí hửng. Nào ngờ, xe vừa tới đích, thì một thằng đàn ông to lớn, râu rậm từ nhà xộc ra, theo sau là hai tên đầu trọc. "Thằng xe ôm kia! Mày định cướp vợ của tao hả?" Chiếc xe máy bị tịch thu, Lợi bị ăn một trận đòn, bị trói gô lại với lời hẹn: Có hai triệu đồng nộp ra đây thì mới đem được thân về, còn không thì...

*

Còn bây giờ? Quả nhiên như tôi dự đoán, Lợi không còn dám đến gặp tôi để kêu cầu nữa. "Tôi biết là chị tôi thương tôi lắm. Nhưng tôi cũng biết là bây giờ chị tôi không còn tin tôi nữa rồi!" Lợi tâm sự với bè bạn vậy, đành chấp nhận cuộc sống bất định, kiếm ăn lần hồi.

Chính lòng tự trọng ấy của nó đã khiến tôi tủi lòng. Cuối cùng tôi đã gọi nó lại:

- Thế là cậu đành buông tay, vô trách nhiệm với cuộc sống của mình như vậy đó?

Nghe tôi trách, nó cúi mặt khe khẽ:

+ Em biết làm thế nào bây giờ? Vừa rồi em đã đến nhà anh hai ở trên Ao Vua. Anh ấy máng mả rồi đuổi em đi. Anh ấy bảo cậu làm tui hổ bố mẹ, làm xấu mặt cả các con anh ấy. Rồi anh ấy nói: Thì ra đúng như một nhà văn đã nói, mỗi gia đình phải góp cho xã hội một thằng khốn nạn, không thì xã hội trở nên tốt đẹp quá mất!

- Cậu hai nói thế thì có gì là sai nào? Cậu thử nghĩ xem. Lần thứ nhất giúp cậu thì mất xe. Lần thứ hai giúp cậu thì suýt mất cả người. Thử hỏi...

+ Nhưng mà...

Đang gục mặt xuống, bỗng Lợi ngẩng phắt dậy, cướp lời tôi, mắt đăm lẹ, miệng mếu xệch, giọng khê nong:

- Nhưng mà bây giờ em có nói thì cậu cũng chẳng tin em nữa rồi.

Và chẳng để tôi kịp thời ngăn cản, Lợi đứng phắt dậy, nhào tới cái giá cắm dao ở bếp, rút ra một con dao phay. Tôi chỉ kịp kêu "ô!" một tiếng, lưỡi dao phay trắng rợn đã hạ xuống đánh phập và một đọt ngón

tay út của Lợi đã lia khỏi bàn tay, rơi xuống đất cùng với tiếng kêu nhói buốt của Lợi: "Em xin thề với chị!"

*

Giờ thì Lợi đã chính thức là một người lái xe ôm ở bến xe K. Lợi là chủ nhân chiếc Wave do tôi cấp vốn ban đầu và cậu đã trả lại được vốn cho tôi. Lái xe ôm thế mà cũng lắm chuyện vui. Cậu kể, có lần đưa một ông lão tàu đui theo tàu đi Thanh Hoá, được ông quý mến, thân thiết đến mức ông dẫn về nhà chơi, thoạt đầu có ý định giới thiệu Lợi với con gái ông, nhưng sau có lẽ trông thấy ngón tay út cụt đứt nên lại lưỡng lự hay sao ấy. Gần đây Lợi chở hợp đồng cho một em học sinh lớp 9, con trai một cô giáo goá chồng rất xinh. Tháng nào cô cũng có quà tặng Lợi. Cô hỏi Lợi: "Có phải khi để anh ra, sợ khó nuôi nên ba mẹ đã phải cắt đi một đọt ngón tay út của anh, rồi sau đó còn phải bán khoán anh cho nhà chùa không?"

Còn hôm nay, tận khuya, Lợi mới gõ cửa nhà tôi.

- Em vừa chạy một cuộc xe về tận Mai Lĩnh, cách chỗ mình gần một trăm cây số. Lợi kể. Xẩm tối, xe vào đường thôn vắng vẻ. Khách là một thằng trai trẻ, to con, trạc hai lăm tuổi. Khi xe đi vào một vũng bùn, nó liền nhảy phắt xuống, rút dao nhọn ở bên sườn ra, quát: "Khôn hồn thì bỏ xe lại đây rồi biến đi!"

+ Trời!

- Chị ơi! Không có chuyện gì đâu! Để em kể nốt chị nghe. Chị có biết em xử sự thế nào không? Rất bình tĩnh, em bỏ chiếc xe đấy, hơi lui lại, và bất thành linh giờ ngón tay út cụt một đọt lên, thét một hơi: "Này thằng lưu manh, mày hãy trông cho rõ! Có thấy ngón tay út cụt của tao đây không? Ngã chỗ nào tao đứng lên từ chỗ đó đấy, mày hãy liệu hồn!" Và thế là thằng cha mặt cắt không còn một hột máu, vội vàng vút lại hai mươi ngàn đồng tiền công và cuống cuống đánh bài ù té quyền chạy dứt dép.

Tôi cũng bật cười theo Lợi, nhưng sau đó nước mắt tự dưng tràn ra vành mi. Ngã chỗ nào đứng lên từ chỗ đó! Chỉ có thể chính là nạn nhân khi tình ngộ mới nói được một câu hay như thế!



Một số nội dung cơ bản của Nghị định 90/2020/NĐ-CP

VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

K. Dung



Nhiều tập thể, cá nhân được khen cao tại Hội nghị đại biểu cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 do Thanh tra Chính phủ tổ chức, tháng 1/2020. Ảnh: PV

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi là Nghị định 90)⁽¹⁾. Nghị định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là cơ sở để xếp loại đảng viên

Nghị định 90 quy định, việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cần phải bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác; không nể nang, trừ dật, thiên vị, hình thức; bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; phải căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách.

Đặc biệt, cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác trong năm chưa đủ 06 tháng thì không thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng nhưng vẫn phải kiểm điểm thời gian công tác trong năm, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản. Cán bộ, công chức, viên chức nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng thì vẫn thực hiện đánh giá nhưng không xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Cán bộ, công chức, viên chức nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật thì kết quả xếp loại chất lượng trong



năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó.

Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định này được sử dụng làm cơ sở để liên thông trong đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.⁽²⁾

Đồng thời, kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá và xếp loại chất lượng đảng viên và thực hiện các chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức.⁽³⁾

Về các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

Nghị định 90 đã khái quát các tiêu chí cụ thể thành các cụm tiêu chí chung để đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức như: Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nội dung tiêu chí về kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao quy định cụ thể đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Theo Nghị định 90, Chính phủ yêu cầu các cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý phải quán triệt, thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; duy trì kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý, tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách, trong đó xác định rõ kết quả thực hiện các chỉ

tiêu, nhiệm vụ, lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, việc đánh giá, xếp loại cần được căn cứ dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; khối lượng, tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và thái độ phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.⁽⁴⁾

Về mức độ xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

So với Nghị định 56/2015/NĐ-CP, Nghị định 90 giữ nguyên các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ, song điều chỉnh mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực⁽⁵⁾ thành hoàn thành nhiệm vụ. Sự điều chỉnh này là hoàn toàn phù hợp với những sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức năm 2019.

Ở từng mức độ xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định 90 quy định các tiêu chí phù hợp tương ứng. Trong đó, tiêu chí xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ yêu cầu người cán bộ, công chức, viên chức đó phải thực hiện tốt tất cả các tiêu chí về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong, lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật. Các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao đều hoàn thành đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao.

Ngoài ra, bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên, đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Nghị định 90 yêu cầu tiêu chí về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ngành, lĩnh vực công tác được giao phụ trách: Phải hoàn thành tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, trong đó ít nhất 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành vượt mức. Đặc biệt, 100% cơ quan, tổ chức, đơn

vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 70% hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cán bộ, công chức, viên chức bị đánh giá, xếp loại là không hoàn thành nhiệm vụ khi có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa theo đánh giá của cấp có thẩm quyền; Có trên 50% các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và có hành vi vi phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ bị xử lý kỷ luật trong năm đánh giá.

Ngoài ra, đối với cán bộ, công chức quản lý, viên chức quản lý, bên cạnh những tiêu chí nói trên, Nghị định 90 xác định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc lĩnh vực công tác được giao phụ trách hoàn thành dưới 50% các chỉ tiêu, nhiệm vụ và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp liên quan đến tham ô, tham nhũng, lãng phí và bị xử lý theo quy định của pháp luật, thì cán bộ, công chức quản lý, viên chức quản lý đó sẽ bị đánh giá, xếp loại là không hoàn thành nhiệm vụ.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức

Thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Nghị định 90 cơ bản không thay đổi so với Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP. Theo đó, đối với cán bộ, cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ. Đối với công chức, việc đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp thực hiện; Việc đánh giá, xếp loại chất lượng cấp phó của người đứng đầu và công chức thuộc quyền quản lý do người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức thực hiện. Đối với viên chức, thẩm quyền và trách nhiệm đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức



Hội nghị đánh giá, phân loại tập thể và cá nhân cán bộ, viên chức năm 2019 của Trường Cán bộ Thanh tra.

Ảnh: K. Dung

thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Luật Viên chức năm 2010.

Về cơ bản trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo 5 bước sau: (1) Cán bộ, công chức, viên chức tự đánh giá, xếp loại chất lượng theo mẫu kèm Nghị định này; (2) Nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức: Thông qua cuộc họp gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức này công tác. Khi đó, cán bộ, công chức, viên chức trình bày báo cáo tự đánh giá, các thành viên tham dự đóng góp ý kiến và ghi vào biên bản, thông qua tại cuộc họp; (3) Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy Đảng cơ quan, tổ chức nơi cán bộ, công chức, viên chức công tác; (4) Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; (5) Thông báo bằng văn bản cho cán bộ, công chức, viên chức và công khai việc đánh giá này tại cơ quan, đơn vị (ưu tiên áp dụng công khai trên môi trường điện tử).

Xây dựng và ban hành quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

Tại Nghị định 90, Chính phủ yêu cầu: Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức, viên chức ban hành hoặc giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức ban hành quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Nội dung quy chế phải xác định rõ sản phẩm cụ thể gắn với từng vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả, thời điểm đánh giá theo quý, tháng hoặc tuần (nếu có); căn cứ để xác định tỉ lệ % mức độ hoàn thành công việc; các tiêu chí thành phần để đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có tính đến tỷ lệ khối lượng công việc của cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện so với khối lượng công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với các quy định tại Nghị định này.

Có thể nói, với những nội dung được quy định chi tiết, bao quát và toàn diện tại Nghị định 90, các cơ quan, tổ chức, đơn vị

quản lý cán bộ, công chức, viên chức sẽ dễ dàng hơn trong việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Nhiều tiêu chí được lượng hóa, nhiều quy định cụ thể xác định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức quản lý, viên chức quản lý đối với những vi phạm, sai phạm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, lĩnh vực công tác được cho là rất phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và phù hợp với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019./.

Chú thích:

(1) Nghị định số 90/2020/NĐ-CP thay thế cho Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức kể từ ngày 20/8/2020;

(2), (3), (4) Điều 2; Điều 21; Khoản 5, Điều 3 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức ban hành ngày 13/8/2020;

(5) Điều 13, Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức ban hành ngày 09/6/2015.



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 31/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1321/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nội dung lập quy hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, cụ thể:

1. Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội. Tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, thực trạng phát triển kinh tế xã hội, đánh giá về bối cảnh trong nước và quốc tế, các khía cạnh công nghệ, kỹ thuật tác động đến phát triển mạng lưới cơ sở báo chí. Đồng thời, xác định những tồn tại, hạn chế, phân tích đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

2. Đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại. Cụ thể, đánh giá thực trạng và sự phù hợp về phân bố, sử dụng không gian của ngành, sự liên kết giữa ba lĩnh vực: Xuất bản - in - phát hành trên địa bàn cả nước và vùng lãnh thổ. Qua đó, phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức phát triển của mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trong thời kỳ quy hoạch.

3. Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối



ngoại, cũng như xu thế phát triển mạng lưới này trong thời kỳ quy hoạch, các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới.

4. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại quốc gia trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Phương án phát triển mạng lưới trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, gồm: Báo, tạp chí in; báo, tạp chí điện tử; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; xuất bản, in và phát hành; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại.

6. Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại cấp quốc gia.

7. Xây dựng danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư để phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại.

8. Đề ra 6 giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch là: Giải pháp về cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại; giải pháp về phát triển nguồn nhân lực; giải pháp về khoa học và công nghệ; giải pháp về huy động vốn và phân bổ vốn đầu tư; giải pháp về hợp tác quốc tế; giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

9. Xây dựng hệ thống bản đồ: Danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

10. Xây dựng báo cáo quy hoạch, gồm: Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản.

11. Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. Đồng thời thể hiện nội dung của quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ



thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Việc lập quy hoạch sử dụng 5 phương pháp là: Phương pháp thống kê; phương pháp tích hợp quy hoạch; phương pháp phân tích hệ thống; phương pháp lựa chọn ngành ưu tiên đầu tư, ưu tiên phát triển; phương pháp so sánh và các phương pháp phân tích chuyên ngành.

Thời hạn lập quy hoạch không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/8/2020.



Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

Ngày 24/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 96/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (sau đây gọi là Nghị định 96). Nghị định này thay thế Nghị định số 169/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 (sau đây gọi là Nghị định 169) trước đó.

Nghị định 96 áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài thực hiện hành vi VPHC trong lãnh thổ Việt Nam. Có hai hình thức xử phạt là cảnh cáo và phạt tiền. Tuy nhiên, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung, như: Tịch thu tang vật; trục xuất; tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản...

Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi VPHC trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là 50.000.000 đồng. Nghị định 96 dành ra 10 điều (từ Điều 5 đến Điều 14) nhiều hơn 1 điều so với Nghị định 169, quy định rõ ràng, chi tiết về hành vi VPHC, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó, tùy vào các hành vi vi phạm cụ thể mà có các mức phạt khác nhau,

cũng như mức phạt cao hơn quy định tại Nghị định 169 trước đó.

Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thăm dò địa chất, khai thác tài nguyên làm hư hại đường biên giới quốc gia; đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới.

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới; làm thay đổi đến đường biên giới quốc gia; xây dựng công trình kiên cố trong phạm vi 30 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới.

Hành vi vi phạm quy chế khu vực biên giới đất liền

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng nếu công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền không mang theo giấy tờ tùy thân theo quy định; không thông báo hoặc che giấu người khác đi lại, tạm trú trái phép trong khu vực biên giới đất liền.

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (thay vì từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng như Nghị định 169) nếu cư dân biên giới sử dụng giấy tờ xuất, nhập cảnh biên giới hết giá trị; cư dân biên giới đi quá phạm vi quy định.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới chưa được cấp phép của cơ quan Công an có thẩm quyền; đốt cây khai hoang trong phạm vi 1.000 mét tính từ đường biên giới trên đất liền; xâm cư ở khu vực biên giới đất liền; sử dụng vật liệu nổ trái phép trong vành đai biên giới nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động trong vành đai biên giới không thông báo cho đồn Biên phòng sở tại; vào vành đai biên giới không có giấy tờ theo quy định; chôn thi hài, xác động vật, dịch chuyển mồ mả trong vành đai biên giới; nổ súng săn bắn trong phạm vi 1.000 mét tính từ đường biên giới trên đất liền.

Hành vi vi phạm quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với



hành vi tạm trú, đi lại trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng quy định.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện hoạt động trong khu vực cửa khẩu không có giấy tờ theo quy định; cản trở các hoạt động lưu thông hợp pháp tại khu vực cửa khẩu; gây mất an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đổ, xả, ném chất thải, chất bẩn, hóa chất, gạch, đá hoặc các vật khác vào Quốc môn, các công trình khác thuộc khu vực Quốc môn.

Hành vi vi phạm về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng khi công dân Việt Nam vào khu vực biên giới biển không mang theo giấy tờ tùy thân theo quy định.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi người nước ngoài vào khu vực biên giới biển không có giấy tờ theo quy định; điều khiển phương tiện hoạt động không đúng quy định trong khu vực hạn chế hoạt động; đưa phương tiện đường bộ vào khu vực biên giới biển hoạt động từ 10 ngày trở lên mà không thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng sở tại.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi điều khiển phương tiện hàng không hoạt động trong khu vực biên giới biển không thực hiện đúng quy định; thăm dò, khai thác hải sản do các bộ, ngành chủ quản cấp phép nhưng không thông báo cho UBND và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại; sử dụng thiết bị thu phát vô tuyến điện ở khu vực hạn chế hoạt động, vùng cấm; bắn, phóng, điều khiển các phương tiện, vật thể gây hại cho an ninh, trật tự, kinh tế, an toàn, an ninh hàng hải.

Hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi thuyền viên nước ngoài khi đi bờ không xuất trình giấy phép đi bờ; người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam không xuất trình giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp khi xuống tàu.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi thuyền viên nước ngoài đi bờ không có giấy phép đi bờ; điều khiển phương tiện cập mạn tàu thuyền nước ngoài không có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp; gây mất an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng; đưa hàng hóa trái phép lên tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa trong khu vực cửa khẩu cảng; không giữ đúng trạng thái niêm phong đối với vũ khí, vật liệu nổ và hàng hóa khi tàu thuyền quá cảnh, chuyển cảng.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi người có trách nhiệm cho thuyền viên, hành khách rời tàu thuyền, những người không có trách nhiệm xuống tàu thuyền trước khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh; chủ phương tiện để phương tiện thủy neo đậu tại vùng nước cảng quá 24 giờ mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng

- Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vẽ, viết thêm, tẩy xóa chữ trên các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực cửa khẩu”, “khu vực biên giới biển” và các biển báo về khu vực biên giới.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng các biển báo nêu trên.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự ý cấm các biển báo nêu trên.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng trái phép các công trình, thiết bị gây tổn hại đến sự an toàn của công trình biên giới; làm hư hỏng kết cấu, thiết bị của công trình biên giới mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; làm giả các biển báo nêu trên.

Hành vi vi phạm các quy định về xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới, cửa khẩu

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu không thông báo bằng văn bản trước 03 ngày làm việc cho UBND cấp xã, đồn Biên phòng sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động khi khảo sát, thiết kế, thi công, triển khai thực hiện các dự án, công trình trong khu vực biên giới.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhưng chủ đầu tư không thông báo cho UBND cấp huyện, xã, đồn Biên phòng sở tại; xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; không lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, UBND cấp tỉnh và các cơ quan liên quan khi thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

Hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự



- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị dưới 10.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

Hành vi vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới

- Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới mà tại thời điểm kiểm tra không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa có mức phạt theo khung cụ thể tại Điều 13 Nghị định 96.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xảy ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan hoặc tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát theo quy định của pháp luật.

Đặc biệt, Nghị định 96 quy định chi tiết về hành vi VPHC trong lĩnh vực thủy sản xảy ra ở khu vực biên giới biển, hành vi VPHC trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu, mà Nghị định 169 không quy định.

Về thẩm quyền xử phạt, chủ tịch UBND từ cấp xã đến cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo và phạt tiền lên đến 50.000.000 đồng; tịch thu tang vật, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định.

Ngoài ra, các cơ quan như Bộ đội Biên phòng, Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường, Hải quan, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Kiểm ngư theo thẩm quyền của mình, cũng như hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức mà có thể xử mức phạt từ 500.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 25 Nghị định 96 cũng quy định chi tiết và đầy đủ về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ, thuyền trưởng tàu tuần tra thuộc Hải đoàn Biên phòng, Hải đội Biên phòng, Hải đoàn Cảnh sát biển, Hải đội Cảnh sát biển...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2020./.

Quỳnh An



TIẾNG THU

(Chào mừng ngày Quốc khánh 2/9)

Xạc xào lá đỏ rơi nghiêng
 Gáy gù gọi bạn thiên nhiên hữu tình
 Anh đi em lại một mình
 Âm vang vọng tiếng Ba Đình Tuyên ngôn
 Thị thành lão ấu nông thôn
 Kết đoàn chống dịch trừ gian diệt thù
 Áo ào lá đỏ tiếng thu
 Đạo đức cách mạng thiên thu truyền đời!

Phúc Khánh



HOA TÂM XUÂN

Trên trời dê trống trái
 Dù gió mưa dãi dầu
 Sắc màu dâu có phai
 Em - Tâm xuân hoang dại

Anh yêu mùa xuân đẹp
 Yêu Hồng - Cúc xinh xinh
 Em Tâm xuân hoang dại
 Đâu trách ai vô tình!

Đào Hanh



Tham nhũng trong thời kỳ Covid-19:

Mối đe dọa kép đối với các nước thu nhập thấp



Thực thi lập trường mạnh mẽ chống lại các hành vi tham nhũng trong quá trình ứng phó với đại dịch Covid-19 là việc làm hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Các biện pháp phòng, chống tham nhũng và hệ thống trách nhiệm giải trình sẽ đảm bảo việc viện trợ mang lại lợi ích cho những người cần nó nhất, khi mà ngày càng xuất hiện nhiều vụ việc tham nhũng liên quan đến cuộc chiến chống dịch bệnh Covid-19 trên khắp thế giới.

Thực trạng tham nhũng toàn cầu trong đại dịch Covid-19

Châu Âu

Vào thời điểm châu Âu đang là tâm chấn của đợt bùng phát dịch bệnh, trong đó Ý là quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất, một công ty nông nghiệp đã giành được hợp đồng cung cấp 32 triệu khẩu trang cho Chính phủ. Theo thông tin từ Hiệp hội Nhà báo điều tra quốc tế, cơ quan mua sắm công hiện đã yêu cầu dừng thầu và tiến hành điều tra vụ án.

Tại Hungary, Chính phủ của Thủ tướng Viktor Orbán đang thúc đẩy gia hạn tình trạng khẩn cấp vô thời hạn và đảm bảo quyền đưa ra các quyết định quan trọng mà không cần thông qua Quốc hội.

Tại Serbia, Tổng thống Aleksandar Vučić đã công khai chỉ ra rằng do thiếu máy thở có sẵn trên thị trường châu Âu, ông buộc phải mua chúng trên “thị trường xám”^(*). Điều này làm dấy lên nghi ngờ về tính liêm chính của thủ tục mua sắm. Chính ông Vučić cũng từng nói rằng, ông có thể sẽ bị truy tố vào một ngày nào đó vì đã cung cấp thiết bị y tế này cho người dân.

Tại Đức, những bằng chứng về các hình thức tham nhũng vặt đã được công bố, điển hình là việc các cá nhân đóng giả là nhân viên y tế đi từng nhà trong các khu dân cư ở Berlin cung cấp bộ dụng cụ xét nghiệm SARS-Cov-2.



Bên cạnh đó, một số nhà tài phiệt người Nga (những người có được tài sản do tham nhũng) đã tự mua máy thở, trang bị tại nhà riêng những thiết bị y tế cần thiết và thỏa thuận với các bác sĩ để đảm bảo rằng họ không phải điều trị tập trung tại các bệnh viện nếu mắc Covid-19. Các nhà cung cấp máy thở cho biết, khách hàng là cá nhân chiếm tới 30% doanh số bán hàng gần đây của họ.

Ở Na Uy, một số bác sĩ được cho là đã vi phạm các hướng dẫn của cơ quan được phẩm Nhà nước trong việc phân bổ các loại thuốc có thể giúp chống lại Covid-19. Những vị bác sĩ này đã tự kê đơn thuốc cho gia đình và bạn bè của họ.

Nam Á

Tại bang Tamil Nadu của Ấn Độ, người ta nghi ngờ việc không thông báo chính xác số ca nhiễm SARS-CoV-2 cho cơ quan chức năng.

Ở Bangladesh, có những báo cáo về sự thất bại trong việc sàng lọc những người nhập cảnh vào nước này. Chủ tịch Đảng Công nhân Bangladesh, Rashed Khan Menon chỉ ra rằng nguyên nhân một phần là do tình trạng tham nhũng tràn lan trong Bộ Y tế, mà theo ông là “nguy hiểm hơn sự lây lan của virus Corona”.

Bắc Mỹ

Tại Hoa Kỳ, xuất hiện quan ngại rằng, những người nắm quyền lực sẽ “bê cong” chính sách và luật pháp vì lợi ích cá nhân của họ, hoặc ảnh hưởng đến các quyết định về các gói cứu trợ trước sự “vẫy gọi” của các nhóm lợi ích. Điều đó có thể khiến các nỗ lực ứng phó với cuộc khủng hoảng của đất nước này lâm vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Những lời chỉ trích đã được đưa ra đối với các gói cứu trợ được đề xuất nhằm hỗ trợ nền kinh tế Mỹ, trong đó đề cập cụ thể đến các gói cứu trợ khách sạn. Điều này làm dấy lên quan ngại về việc liệu các khách sạn của Tổng thống có được hưởng lợi từ việc cứu trợ này hay không?

Châu Phi

Sự bùng phát của dịch bệnh vô hình chung đã tạo cơ hội cho những kẻ lừa đảo

với sự đồng lõa của các quan chức Chính phủ. Các báo cáo từ Uganda đã chỉ ra rằng, có trường hợp công dân trốn tránh việc kiểm dịch bằng cách hối lộ các quan chức ở Cameroon và Uganda. Điều này chắc chắn sẽ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Rủi ro tham nhũng của hệ thống y tế khi dịch bệnh bùng phát

Mua sắm hàng hóa và dịch vụ nhằm kiểm soát dịch bệnh

Bằng chứng từ các cuộc kiểm toán chi tiêu viện trợ quốc tế trong đợt bùng phát dịch Ebola ở Tây Phi giai đoạn 2013 - 2016 cho thấy, các thủ tục mua sắm hầu hết đã bị bỏ qua. Thực tế, dịch bệnh SARS-CoV-2 bùng phát đòi hỏi một khoản kinh phí đáng kể để mua sắm thiết bị và cơ sở hạ tầng. Các nước châu Âu hiện đang “tranh giành” mua thêm máy thở để đối phó với khủng hoảng. Chi phí cho một máy thở tiêu chuẩn là 25.000 USD và yêu cầu bảo trì thường xuyên. Sự khan hiếm cùng nhu cầu lớn về máy thở và các thiết bị chăm sóc đặc biệt làm gia tăng nguy cơ về tham nhũng trong các hoạt động mua sắm.

Tham nhũng trong quản trị, tuyển dụng và quản lý lực lượng y tế

Sự lãnh đạo quyết liệt cùng những hỗ trợ của lực lượng nhân viên y tế có năng lực chuyên môn là nền tảng để đối phó hiệu quả với đại dịch. Tuy nhiên, ở nhiều nước đang phát triển, vấn nạn tham nhũng và tình trạng thiếu minh bạch đã dẫn đến việc tuyển dụng những người không đủ năng lực thực hiện các quy trình xử lý phức tạp, làm giảm khả năng xử lý khủng hoảng khi dịch bệnh bùng phát. Vào thời điểm mà hệ thống y tế đang chịu áp lực tuyển dụng càng nhiều lao động càng tốt thì vấn nạn tham nhũng trong tuyển dụng cũng thực sự đáng lo ngại.

Tham nhũng vặt trong quá trình cung cấp dịch vụ

Các hình thức tham nhũng được thực hiện bởi nhân viên y tế như thanh toán không chính thức, kê đơn quá mức, thiên vị có thể sẽ trở nên trầm trọng hơn trong thời gian dịch bệnh bùng phát khi hệ thống

y tế phải tiếp nhận lượng bệnh nhân lớn. Loại tham nhũng này hình thành bởi nhiều nguyên nhân, cụ thể như: Mức lương thấp, điều kiện làm việc kém và nhận thức hạn chế của bệnh nhân về các dịch vụ công. Các hình thức tham nhũng vặt do bệnh nhân gây ra cũng có thể góp phần làm lây lan dịch bệnh hơn nữa, chẳng hạn, hối lộ các quan chức thực thi để trốn tránh việc kiểm dịch. Sự việc này đã được công bố ở Uganda, nơi những người nước ngoài có thể trốn việc cách ly bằng các hành vi hối lộ. Nhiều vụ việc tương tự, về những người “kết nối” trốn tránh kiểm dịch, đã được báo cáo ở Cameroon. Điều này có thể gây tác động nghiêm trọng đến những nỗ lực ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.

Khuyến nghị nhằm giảm thiểu nguy cơ tham nhũng trong đại dịch

Áp dụng cách tiếp cận theo nhóm ngành để chống tham nhũng

Chống tham nhũng luôn phải là ưu tiên hàng đầu trong thời kỳ khủng hoảng, đặc biệt là giai đoạn bùng phát dịch Covid-19 hiện nay. Sự bùng phát dịch Ebola trước đây là minh chứng rõ ràng cho việc sử dụng các cơ chế truyền thống khi đối mặt với dịch bệnh là không đủ. Thay vào đó, các cơ quan chức năng nên ưu tiên cách tiếp cận theo từng nhóm ngành để giải quyết tham nhũng, trong đó đặt việc đạt được các mục tiêu về sức khỏe là ưu tiên hàng đầu và xây dựng hệ thống chống tham nhũng là yếu tố quan trọng. Vậy nên, tại các cuộc hội thảo bàn luận về vấn đề sức khỏe cộng đồng nên có sự tham gia thảo luận của các chuyên gia chống tham nhũng. Các nhà lãnh đạo cũng cần biết những rủi ro tham nhũng mà họ đang phải đối mặt, và người thực thi phải xây dựng các biện pháp can thiệp cho phù hợp. Bất chấp sự bảo trợ sâu rộng trong việc bổ nhiệm các quan chức Nhà nước, các nước đang phát triển như DR Congo, Uganda và Nigeria đã có thể kiểm soát sự lây lan của Ebola bằng cách chỉ định các chuyên gia có kỹ năng lãnh đạo để chỉ đạo các kế hoạch ứng phó với dịch bệnh.

Sử dụng mạng lưới chức năng chung và hệ thống hiện hành



Khi nói đến kinh nghiệm thực tiễn về chống tham nhũng trong lĩnh vực y tế, quỹ toàn cầu được công nhận là có các chính sách mạnh mẽ cho phép ngăn ngừa và quản lý tham nhũng trong các khoản tài trợ, cũng như thực thi các biện pháp trừng phạt. Ngày càng có nhiều nguồn tài trợ song phương được chuyển qua quỹ toàn cầu và quỹ đang xem xét việc sử dụng nguồn tài trợ trong việc chống lại sự bùng phát dịch Covid-19. Điều này tạo cơ hội cho các nhà tài trợ tham gia cùng nhau để có tác động lớn hơn bằng cách sử dụng một tổ chức tài trợ đáng tin cậy với các cơ chế chống tham nhũng mạnh mẽ được thiết lập. Thay vì xây dựng các hệ thống mới để bảo vệ nguồn tài trợ, các nhà tài trợ nên xác định và củng cố các hệ thống hiện có với quy trình chống tham nhũng mạnh mẽ. Một lần nữa, quỹ toàn cầu đã thiết lập một hệ thống mua sắm mở minh bạch có thể được sử dụng để mua sắm các thiết bị y tế và các nguồn cung cấp cần thiết khác.

Bảo vệ hệ thống tư pháp

Trong phạm vi cho phép, hệ thống tư pháp phải hoạt động tích cực nhằm thực thi các biện pháp trừng phạt và phán quyết các trường hợp tham nhũng, qua đó duy trì hệ thống trách nhiệm giải trình trong tình trạng khẩn cấp. Các cơ quan chống tham nhũng và tư pháp có liên quan cần đưa ra những cảnh báo mạnh mẽ chống lại gian lận và tham nhũng trong các biện pháp ứng

phó với khủng hoảng, đồng thời sẵn sàng triển khai các cuộc điều tra đối với những người lợi dụng chức vụ để trục lợi từ khủng hoảng.

Các quốc gia có thu nhập thấp luôn phải đối mặt với vấn nạn cố hữu: Sự quá tải của các nhà tù, và phải đối mặt với mối đe dọa nghiêm trọng, là nhà tù đang đứng trước nguy cơ trở thành tâm điểm cho dịch bệnh lây lan. Theo nguồn tin từ Reuters, tại Iran, Chính phủ đã buộc phải trả tự do cho các tù nhân để hạn chế sự lây lan của SARS-CoV-2 trong các nhà tù. Các tù nhân được thả là những đối tượng “không phải là mối đe dọa cho xã hội”. Trong số này bao gồm cả những người bị kết án liên quan đến tham nhũng.

Áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên nhân quyền

Các cân nhắc về quyền con người cần được ưu tiên trong những nỗ lực bảo vệ viện trợ nhân đạo khỏi nạn tham nhũng. Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) cho biết, cần chú ý đúng mức đến các nguyên tắc nhân quyền như không phân biệt đối xử, minh bạch và tôn trọng nhân phẩm. Điều này sẽ đảm bảo hạn chế tác hại có thể đến từ việc áp dụng các biện pháp quá rộng.

Đây là lần đầu tiên cộng đồng quốc tế đối mặt với một cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng khẩn cấp ảnh hưởng đến mọi quốc gia. Do mỗi quốc gia có những

đặc điểm riêng nên việc áp dụng các biện pháp ứng phó đối với cuộc khủng hoảng ở từng quốc gia sẽ có những điểm khác nhau. Một số quốc gia thực hiện hạn chế quyền tự do đi lại trong khi một số quốc gia khác áp dụng cách tiếp cận nhẹ nhàng hơn.

Áp dụng “lăng kính” giới

Việc kết hợp “lăng kính” giới trong các biện pháp chống tham nhũng rất quan trọng để đảm bảo rằng, các biện pháp kiểm soát được đưa ra nhằm giảm thiểu rủi ro bệnh tật và tham nhũng không làm phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương bị thiệt hại hơn nữa. Rủi ro đối với phụ nữ phát sinh theo nhiều cách. Thứ nhất, phần lớn nhân viên y tế là phụ nữ. Thứ hai, sự cách ly xã hội làm tăng gánh nặng do phụ nữ đóng vai trò lớn hơn trong việc chăm sóc gia đình. Bên cạnh đó, việc đóng cửa trường học và thực hiện các nghĩa vụ cách ly với xã hội khiến trẻ em gái ở các nước đang phát triển có nguy cơ bỏ học hoàn toàn - như đã xảy ra ở Sierra Leone trong thời kỳ Ebola. Tình trạng mang thai ở tuổi vị thành niên, cũng như bạo lực gia đình gia tăng. Đã có báo cáo rằng bạo lực gia đình gia tăng ở Trung Quốc và đang gia tăng ở các quốc gia khác do thực hiện cách ly xã hội.

Áp dụng “lăng kính” chuẩn mực xã hội

Khi dịch bệnh bùng phát, nhân viên y tế và nhà quản lý - cũng như các quan chức Nhà nước nói chung - sẽ phải chịu áp





lực lớn từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người có quyền lực. Những áp lực này là một trong những nguyên nhân thúc đẩy tham nhũng, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế, như: Các y tá, bác sĩ ưu tiên điều trị cho thân nhân của mình; các bác sĩ có thể tìm kiếm các khoản hối lộ gia tăng trong bệnh viện; các quan chức Nhà nước có thể cấp giấy chứng nhận sức khỏe giả mạo; các nhà lãnh đạo có thể phân bổ nguồn tài trợ nhiều hơn đối với các khu vực lợi ích... Điều này vô hình chung đã khiến nỗ lực xây dựng tính liêm chính trong lĩnh vực y tế trở nên hết sức khó khăn. Do đó, muốn đảm bảo và xây dựng tính liêm chính trong lĩnh vực y tế đòi hỏi phải có sự hiểu biết thấu đáo về các lực lượng xã hội gây ra các hành vi tham nhũng. Hơn nữa, các sáng kiến thông thường về quản lý y tế cần được bổ sung cùng với các chiến lược liên quan đến chuẩn mực xã hội. Việc ban hành các quy tắc ứng xử, tăng lương, cải cách pháp luật, thực thi sự giám sát của xã hội dân sự sẽ phải được phát triển dựa theo các đặc điểm của từng trường hợp và từng thời điểm tương ứng.

Có thể khẳng định, đại dịch Covid-19 đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của mọi quốc gia. Những kinh nghiệm thực tiễn khi bùng phát dịch bệnh, các cuộc khủng hoảng trong lịch sử đã chứng minh rằng, đây chính là môi trường để tham nhũng phát triển mạnh mẽ và điều này sẽ gây nên những thiệt hại to lớn không chỉ về tính mạng con người mà còn gây mất lòng tin trong Nhân dân và gây rối loạn trật tự, an ninh xã hội... Chính những thiệt hại gây nên từ vấn nạn tham nhũng còn nặng nề hơn là những thiệt hại từ dịch bệnh, khủng hoảng. Vì vậy, trong thời điểm này, công tác phòng, chống tham nhũng phải được ưu tiên song hành cùng với các ứng phó về y tế.

Như đã đề cập trước đó, hệ thống y tế của nhiều quốc gia thu nhập thấp gặp phải những yếu kém có thể gây khó khăn trong cuộc đấu tranh với đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng HIV/AIDS và Ebola trước đây cho thấy những thách thức không phải là không thể vượt qua. Các đối tác phát triển cần đảm bảo rằng viện trợ phát triển không bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm dụng. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được bằng cách đảm bảo tính minh bạch trong mua sắm, thực hiện giám sát của xã hội dân sự đối với việc giải ngân viện trợ không hoàn lại và cung cấp dịch vụ, đồng thời khuyến khích xây dựng các chuẩn mực liêm chính trong lực lượng y tế. Nhìn theo hướng tích cực, cuộc khủng hoảng cũng tạo cơ hội để tăng cường sự lãnh đạo, quản trị, cải thiện tiền lương và phúc lợi cho nhân viên y tế. Cuộc khủng hoảng Covid-19 đã chỉ ra rằng cần tăng cường tính minh bạch trong toàn bộ khu vực y tế tư nhân (thiết bị y tế, dược phẩm, đời sống/khoa học, vật tư y tế, thử nghiệm thuốc...), để đảm bảo rằng việc kinh doanh không làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng./.

Dương Nguyễn

Theo <https://www.u4.no/publications/corruption-in-the-time-of-covid-19-a-double-threat-for-low-income-countries>

Chú thích:

(*) Thị trường xám hay chợ xám, là thuật ngữ kinh tế chỉ các hoạt động trao đổi hàng hóa một cách hợp pháp nhưng không chính thức, không được ủy quyền và ngoài mong muốn của nhà sản xuất ra các hàng hóa đó hoặc ngoài ý muốn của cơ quan Nhà nước điều tiết thị trường.



TRỞ LẠI PHNÔM PÊNH

Ngày đầu thu anh trở lại Phnôm Pênh
Thành phố đẹp như một cô gái trẻ
Chẳng còn nhận ra những con đường, ngõ phố
Ba mươi năm ngày ấy xa nhau
Đã qua rồi những năm tháng thương đau
Cả dân tộc dưới bàn tay diệt chủng
Gặp lại Phnôm Pênh bồi hồi xúc động
Chăn Tha-vi⁽¹⁾ ơi! Bây giờ em ở đâu?
Anh đã tìm em rất lâu, rất lâu
Tông-Lê-Sáp⁽²⁾ cồn cào nỗi nhớ
Anh gặp lại Áp-Sa-Ra⁽³⁾ trong câu chuyện cổ
Và nụ cười bao thiếu nữ Phnôm Pênh
Anh một mình đứng lặng trước Hoàng cung
Nơi em tiễn anh trở về Tổ quốc
Chăn Tha-vi ơi! Biết tìm em đâu được
Hoàng hôn đã buông trên những đền đài
Về đây rồi
Nhớ lắm em ơi...

Trịnh Vinh Pha

(1); (2); (3) Tên địa danh ở Campuchia

